

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA
PHẠM NGỌC THẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 3926/QĐ-TĐHYKPNT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận học viên trình độ Chuyên khoa cấp I
và Chuyên khoa cấp II năm 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1636/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I Sau Đại học;

Căn cứ Quyết định số 1637/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp II Sau Đại học;

Căn cứ Công văn số 3077/BYT-K2ĐT ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Bộ Y tế về việc bảo đảm chất lượng đào tạo nhân lực y tế trình độ CKI, CKII, BSNT;

Căn cứ Quyết định số 1630/QĐ-TĐHYKPNT ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh Sau đại học năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2837/QĐ-TĐHYKPNT ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1630/QĐ-TĐHYKPNT ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh Sau đại học năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2806/QĐ-TĐHYKPNT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc công nhận trúng tuyển trình độ Chuyên khoa cấp I và Chuyên khoa cấp II năm 2026 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;

Căn cứ Quyết định số 3219/QĐ-TĐHYKPNT ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc công nhận trúng tuyển bổ sung trình độ Chuyên khoa cấp I và Chuyên khoa cấp II năm 2026 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;

Căn cứ Quyết định số 3531/QĐ-TĐHYKPNT ngày 07 tháng 8 năm 2026 của

Trường Đại học Y khoa Phạm ngọc Thạch về việc phân công nhiệm vụ và ủy quyền ký văn bản giữa Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;

Căn cứ hồ sơ đăng ký nhập học của đối tượng trúng tuyển Kỳ thi tuyển sinh Chuyên khoa cấp I và Chuyên khoa cấp II năm 2026;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý đào tạo Sau đại học tại Tờ trình số 560/TTr-QLĐTSDH ngày 18 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 573 học viên trình độ Chuyên khoa cấp I thuộc 23 chuyên ngành và 280 học viên trình độ Chuyên khoa cấp II thuộc 19 chuyên ngành (danh sách đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng Quản lý đào tạo Sau đại học; Trưởng Khoa Y, Khoa Dược, Khoa Điều Dưỡng - Kỹ thuật y học và các Bộ môn có đào tạo Chuyên khoa cấp I, Chuyên khoa cấp II; các cá nhân có tên tại Điều 1 trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KHCN&ĐT - Bộ Y tế;
- HT và các PHT (để b/c);
- Lưu: VT, P.QLĐTSDH (DQ_03b). *ph*

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Đăng Thoại
Nguyễn Đăng Thoại

DANH SÁCH CÔNG NHẬN HỌC VIÊN SAU ĐẠI HỌC NĂM 2026

ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA CẤP II

(Kèm Quyết định số 39.26...../QĐ-TĐHYKPNT, ngày ..03. tháng ..9... năm 2026..
của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch)

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	
		CHUYÊN NGÀNH: CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH (24)						
1	1	26.02.01.0003	Nguyễn Duy	Anh	Nam	12/08/1995	Tỉnh Lâm Đồng	
2	2	26.02.01.0007	Phan Văn	Bình	Nam	10/04/1994	Tỉnh Bình Định	
3	3	26.02.01.0009	Đàm Chí	Cường	Nam	11/02/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
4	4	26.02.01.0011	Trần Quốc	Đạt	Nam	03/03/1987	tỉnh Quảng Nam	
5	5	26.02.01.0017	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	08/02/1996	Thành phố Cần Thơ	
6	6	26.02.01.0019	Nguyễn Thế	Hiển	Nam	13/02/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	
7	7	26.02.01.0023	Đào Thị Thu	Hường	Nữ	19/06/1991	Tỉnh Ninh Bình	
8	8	26.02.01.0024	Tổng Thị Minh	Kha	Nữ	05/11/1991	Tỉnh Bến Tre	
9	9	26.02.01.0025	Phan Duy	Khánh	Nam	19/03/1993	Thừa Thiên Huế	
10	10	26.02.01.0029	Đặng Văn Anh	Kiệt	Nam	26/11/1991	Thừa Thiên Huế	
11	11	26.02.01.0031	Thái Khánh	Linh	Nữ	16/10/1995	Tỉnh Ninh Thuận	
12	12	26.02.01.0033	Bùi Thị Thanh	Luận	Nữ	14/10/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
13	13	26.02.01.0035	Tào Thanh	Nam	Nam	28/11/1986	Tỉnh Bắc Thái	
14	14	26.02.01.0037	Trần Bảo	Ngọc	Nữ	01/01/1989	Thành phố Hồ Chí Minh	
15	15	26.02.01.0040	Nguyễn Xuân	Quỳnh	Nữ	22/12/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
16	16	26.02.01.0044	Nguyễn Lê Minh	Thanh	Nam	15/11/1978	Tỉnh Đồng Tháp	
17	17	26.02.01.0045	Lê Anh	Thành	Nam	25/04/1995	Thành phố Đà Nẵng	
18	18	26.02.01.0046	Bùi Bích	Thảo	Nữ	23/05/1994	Tỉnh Đắk Lắk	
19	19	26.02.01.0047	Vũ Thị Phương	Thảo	Nữ	21/02/1987	Tỉnh Tây Ninh	
20	20	26.02.01.0051	Võ Đoàn	Trung	Nam	16/04/1992	Quảng Nam Đà Nẵng	
21	21	26.02.01.0052	Nguyễn Thị Ngọc	Tú	Nữ	27/06/1988	Tỉnh Gia Lai Kontum	
22	22	26.02.01.0054	Lâm	Vinh	Nam	03/06/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
23	23	26.02.01.0057	Nguyễn Thiện	Vượng	Nam	06/10/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
24	24	26.02.01.0058	Nguyễn Thục	Vỹ	Nữ	13/06/1985	Tỉnh Khánh Hòa	
		CHUYÊN NGÀNH: CHẨN THƯƠNG CHỈNH HÌNH (25)						
25	1	26.02.02.0059	Đỗ Bình	An	Nam	12/09/1977	Tỉnh Thái Bình	
26	2	26.02.02.0060	Đinh Xuân	Anh	Nam	28/05/1990	Tỉnh Đắk Lắk	
27	3	26.02.02.0063	Trương Anh	Đức	Nam	27/04/1988	Tỉnh Đắk Lắk	
28	4	26.02.02.0062	Phạm Bá Hải	Đường	Nam	12/10/1990	Tỉnh Hà Tĩnh	
29	5	26.02.02.0064	Huỳnh Thanh Tiền	Giang	Nam	15/07/1995	Tỉnh Tiền Giang	
30	6	26.02.02.0068	Phan Trọng	Hoàng	Nam	23/05/1994	Tỉnh Nghệ An	
31	7	26.02.02.0069	Bế Minh	Kha	Nam	21/03/1990	Tỉnh Lâm Đồng	
32	8	26.02.02.0071	Trần Ngọc	Khanh	Nam	29/02/1988	Tỉnh Phú Khánh	
33	9	26.02.02.0072	Trương Phạm Huỳnh Đăng	Khoa	Nam	18/09/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	
34	10	26.02.02.0073	Nguyễn Phước	Lộc	Nam	17/10/1989	Long An	
35	11	26.02.02.0074	Nguyễn Hoài	Nam	Nam	01/12/1990	Tỉnh Long An	
36	12	26.02.02.0078	Nguyễn Trung	Nhân	Nam	18/06/1989	Thành phố Hồ Chí Minh	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	
37	13	26.02.02.0079	Võ Thành	Nhon	Nam	13/08/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
38	14	26.02.02.0080	Lê Thanh	Phong	Nam	03/03/1995	Tỉnh Đồng Tháp	
39	15	26.02.02.0081	Phan Vũ Cao	Quang	Nam	05/10/1991	Tỉnh Phú Yên	
40	16	26.02.02.0082	Nguyễn Đăng	Quang	Nam	23/04/1992	Tỉnh Bến Tre	
41	17	26.02.02.0083	Trần Phú	Quý	Nam	19/09/1993	Tỉnh Sông Bé	
42	18	26.02.02.0084	Nguyễn Trọng	Sỹ	Nam	14/10/1992	Tỉnh Nghệ An	
43	19	26.02.02.0085	Lê Cao	Tài	Nam	30/08/1995	Thành phố Đà Nẵng	
44	20	26.02.02.0088	Trần Công Hoàng	Thạch	Nam	01/03/1986	Tỉnh Gia Lai Kontum	
45	21	26.02.02.0087	Đoàn Minh	Thái	Nam	18/01/1996	Tỉnh Tiền Giang	
46	22	26.02.02.0090	Nguyễn Văn	Thuật	Nam	01/10/1986	Tỉnh Hà Bắc	
47	23	26.02.02.0091	Bùi Đình	Trí	Nam	27/05/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
48	24	26.02.02.0092	Phạm Văn	Trường	Nam	24/08/1994	Tỉnh Nghệ An	
49	25	26.02.02.0094	Ngô Võ Hoàng	Văn	Nam	14/01/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
		CHUYÊN NGÀNH: DA LIỄU			(8)			
50	1	26.02.03.0096	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	04/06/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
51	2	26.02.03.0099	Nguyễn Mỹ	Duyên	Nữ	15/06/1994	Tỉnh Quảng Ngãi	
52	3	26.02.03.0100	Lê Lam	Hiền	Nữ	02/02/1995	Tỉnh Quảng Trị	
53	4	26.02.03.0102	Bùi Thế Minh	Lợi	Nam	05/02/1987	Tỉnh Vĩnh Long	
54	5	26.02.03.0104	Nguyễn Hoàng	Nam	Nam	26/02/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
55	6	26.02.03.0106	Trần Thị	Phượng	Nữ	20/06/1994	Tỉnh Bắc Giang	
56	7	26.02.03.0110	Trương Hoài	Trình	Nữ	04/08/1994	Tỉnh Vĩnh Long	
57	8	26.02.03.0111	Nguyễn Hoàng Trúc	Vy	Nữ	20/01/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
		CHUYÊN NGÀNH: HUYẾT HỌC			(1)			
58	1	26.02.07.0112	Thị	Men	Nữ	15/08/1987	tỉnh Sông Bé	
		CHUYÊN NGÀNH: LÃO KHOA			(10)			
59	1	26.02.39.0113	Trần Thị Thủy	Ân	Nữ	15/10/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
60	2	26.02.39.0114	Nguyễn Trường	Duy	Nam	03/06/1989	Tỉnh Bến Tre	
61	3	26.02.39.0115	Nguyễn Bảo	Duy	Nam	07/02/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
62	4	26.02.39.0116	Võ Thị Diệu	Hà	Nữ	26/11/1992	Tỉnh Đắk Lắk	
63	5	26.02.39.0118	Nguyễn Quế	Lan	Nữ	12/03/1984	Thành phố Hồ Chí Minh	
64	6	26.02.39.0121	Tăng Thị	Ngọc	Nữ	26/11/1987	Thành phố Hà Nội	
65	7	26.02.39.0122	Võ Lê Thụy	Nguyên	Nữ	12/03/1996	Tỉnh Đồng Nai	
66	8	26.02.39.0124	Trương Diễm	Phương	Nữ	12/4/1983	Tỉnh Cà Mau	
67	9	26.02.39.0125	Đỗ Thanh	Son	Nam	04/07/1986	Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo	
68	10	26.02.39.0127	Đỗ Trung	Thành	Nam	26/02/1989	Thành phố Hồ Chí Minh	
		CHUYÊN NGÀNH: NỘI TIM MẠCH			(22)			
69	1	26.02.11.0245	Tôn Nữ Khánh	An	Nữ	23/10/1983	Thành phố Huế	
70	2	26.02.11.0250	Nguyễn Tùng	Châu	Nam	15/05/1987	Tỉnh Đồng Tháp	
71	3	26.02.11.0251	Lê Hoài Thái	Dương	Nam	26/10/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
72	4	26.02.11.0253	Phùng Xuân	Đồng	Nam	02/02/1985	tỉnh Quảng Nam	
73	5	26.02.11.0256	Trần Minh	Gia	Nam	27/04/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
74	6	26.02.11.0257	Lê	Hoàn	Nam	16/02/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
75	7	26.02.11.0258	Bùi Huy	Hoàng	Nam	27/07/1988	Tỉnh Đồng Nai	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	
76	8	26.02.11.0259	Vũ Trần Đình	Huy	Nam	11/02/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
77	9	26.02.11.0260	Phan Việt	Hùng	Nam	04/03/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
78	10	26.02.11.0261	Trương Quốc	Khánh	Nam	19/10/1997	Tỉnh Kiên Giang	
79	11	26.02.11.0263	Nguyễn Thị Mai	Liên	Nữ	20/12/1986	Tỉnh Nam Định	
80	12	26.02.11.0264	Thái Phạm Văn	Minh	Nam	01/02/1992	Tỉnh Đồng Nai	
81	13	26.02.11.0265	Nguyễn Phạm Cao	Minh	Nam	08/10/1991	Hậu Giang	
82	14	26.02.11.0266	Nghiêm Thị Ánh	Nguyệt	Nữ	12/07/1984	Tỉnh Long An	
83	15	26.02.11.0268	Mai Xuân	Phú	Nam	06/06/1994	Tỉnh Quảng Ngãi	
84	16	26.02.11.0269	Đỗ Hữu	Phúc	Nam	26/10/1987	Thành phố Hồ Chí Minh	
85	17	26.02.11.0271	Huỳnh Nhật	Quang	Nam	16/03/1996	Tỉnh Bạc Liêu	
86	18	26.02.11.0272	Trần Cao	Quốc	Nam	26/09/1987	Bà Rịa Vũng Tàu	
87	19	26.02.11.0273	Thiều Thị Trúc	Quyên	Nữ	05/01/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
88	20	26.02.11.0275	Nguyễn Trí	Tài	Nam	18/02/1983	Tỉnh Đắk Lắk	
89	21	26.02.11.0276	Nguyễn Thị Thạch	Thảo	Nữ	19/02/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
90	22	26.02.11.0279	Lê Thị Thu	Thủy	Nữ	15/03/1986	Tỉnh Đắk Lắk	
		CHUYÊN NGÀNH: NỘI TỔNG QUÁT			(27)			
91	1	26.02.10.0283	Phạm Thị Ngọc	Anh	Nữ	12/3/1987	Đồng Nai	
92	2	26.02.10.0284	Mai Hùng	Cường	Nam	10/06/1991	Tỉnh Quảng Ngãi	
93	3	26.02.10.0285	Đoàn Đình	Dân	Nam	26/11/1994	Quảng Nam - Đà Nẵng	
94	4	26.02.10.0286	Phạm Thùy	Dung	Nữ	27/11/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
95	5	26.02.10.0287	Đặng Công	Duy	Nam	17/08/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
96	6	26.02.10.0288	Nguyễn Tiến	Dũng	Nam	26/10/1989	Tỉnh Thanh Hóa	
97	7	26.02.10.0290	Tạ Thanh	Hà	Nữ	22/08/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
98	8	26.02.10.0291	Huỳnh Thanh	Hải	Nam	24/07/1970	Sài Gòn	
99	9	26.02.10.0292	Võ Hiếu	Hạnh	Nữ	01/10/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
100	10	26.02.10.0293	Trần Vũ Diễm	Hằng	Nữ	30/10/1995	Tỉnh Quảng Ngãi	
101	11	26.02.10.0294	Lâm Thị Thúy	Hằng	Nữ	11/01/1987	Tỉnh Thanh Hóa	
102	12	26.02.10.0297	Văn Thị Ánh	Hoà	Nữ	22/11/1993	Tỉnh Bình Định	
103	13	26.02.10.0298	Trần Bá	Lân	Nam	03/02/1990	tỉnh Đồng Nai	
104	14	26.02.10.0299	Hồ Thanh	Lịch	Nam	09/06/1984	Tỉnh Nghệ An	
105	15	26.02.10.0300	Hoàng Tiến	Minh	Nam	06/08/1989	Sông Bé	
106	16	26.02.10.0301	Phạm Quốc	Nam	Nam	03/02/1987	Tỉnh Quảng Bình	
107	17	26.02.10.0302	Vũ Đức	Nam	Nam	16/08/1990	Hà Nam Ninh	
108	18	26.02.10.0303	Nguyễn Thị Thu	Ngân	Nữ	24/11/1987	Tỉnh Long An	
109	19	26.02.10.0304	Trương Huỳnh Tấn	Phú	Nam	10/06/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
110	20	26.02.10.0305	Trần Minh	Quân	Nam	20/02/1987	Thành phố Hồ Chí Minh	
111	21	26.02.10.0306	Từ Quốc	Tài	Nam	24/04/1988	Thành phố Cần Thơ	
112	22	26.02.10.0307	Hồ Thị Chí	Thanh	Nữ	01/01/1985	Thành phố Hồ Chí Minh	
113	23	26.02.10.0308	Phạm Thị Thanh	Thủy	Nữ	13/01/1984	Thành phố Hồ Chí Minh	
114	24	26.02.10.0309	Lê Lâm Thủy	Tiên	Nữ	13/05/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
115	25	26.02.10.0310	Nguyễn Minh	Tiến	Nam	22/02/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
116	26	26.02.10.0311	Lý Văn	Trãi	Nam	24/08/1981	Tỉnh Quảng Trị	
117	27	26.02.10.0313	Phan Tường	Vân	Nữ	15/03/1982	Tỉnh Đồng Nai	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	
		CHUYÊN NGÀNH: NGOẠI LÒNG NGỰC			(7)			
118	1	26.02.33.0129	Biện Ngọc	Anh	Nam	10/05/1993	Tỉnh Hà Tĩnh	
119	2	26.02.33.0131	Nguyễn Phúc	Diện	Nam	28/09/1993	Tỉnh Đắk Lắk	
120	3	26.02.33.0134	Phạm Thiên Hà Minh	Nguyệt	Nữ	12/05/1987	Thành phố Hồ Chí Minh	
121	4	26.02.33.0136	Phạm Phú	Thái	Nam	15/01/1977	Thành phố Hồ Chí Minh	
122	5	26.02.33.0137	Trần Hoàng	Thịnh	Nam	02/11/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
123	6	26.02.33.0138	Cao Hữu	Trí	Nam	25/06/1991	TPHCM	
124	7	26.02.33.0140	Hoàng Ngọc	Vi	Nam	23/01/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
		CHUYÊN NGÀNH: NGOẠI TIẾT NIỆU			(24)			
125	1	26.02.34.0141	Nguyễn Quốc	Bảo	Nam	18/05/1996	Quảng Nam - Đà Nẵng	
126	2	26.02.34.0142	Đặng Công	Bắc	Nam	18/01/1992	Tỉnh Nghệ An	
127	3	26.02.34.0144	Huỳnh Kim Khánh	Đặng	Nam	30/04/1997	tỉnh Phú Yên	
128	4	26.02.34.0146	Trần Lê Thanh	Đức	Nam	11/04/1998	Thành phố Hồ Minh	
129	5	26.02.34.0147	Trương Triều	Hải	Nam	31/03/1995	Tỉnh Bạc Liêu	
130	6	26.02.34.0148	Trương Trung	Hải	Nam	26/09/1998	Tỉnh Đồng Nai	
131	7	26.02.34.0150	Lý Minh	Hoàng	Nam	16/10/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
132	8	26.02.34.0151	Nguyễn Thái	Hoàng	Nam	03/03/1994	Tỉnh Trà Vinh	
133	9	26.02.34.0152	Trần Anh	Khoa	Nam	02/03/1991	Tỉnh Kiên Giang	
134	10	26.02.34.0153	Nguyễn Hữu	Mạnh	Nam	06/08/1996	Tỉnh Thanh Hóa	
135	11	26.02.34.0154	Trần Hữu Phương	Nam	Nam	22/06/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
136	12	26.02.34.0155	Nguyễn Thụy Đông	Nghi	Nữ	05/04/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
137	13	26.02.34.0156	Văn Diệu	Nhân	Nam	16/09/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
138	14	26.02.34.0158	Danh Quốc	Quy	Nam	29/09/1993	Tỉnh Kiên Giang	
139	15	26.02.34.0160	Trần Quang	Sinh	Nam	05/12/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
140	16	26.02.34.0161	Nguyễn Phước Quý	Tài	Nam	27/02/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
141	17	26.02.34.0162	Đoàn Cường	Thịnh	Nam	26/06/1993	Tỉnh Kon Tum	
142	18	26.02.34.0163	Lê Hoàng	Thịnh	Nam	20/05/1985	Thành phố Hồ Chí Minh	
143	19	26.02.34.0164	Nguyễn Trần Đạt	Thịnh	Nam	26/04/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
144	20	26.02.34.0165	Sử Trần	Tiến	Nam	07/12/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
145	21	26.02.34.0166	Trần Hữu	Toàn	Nam	08/02/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
146	22	26.02.34.0167	Phạm Đức	Trung	Nam	25/12/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
147	23	26.02.34.0168	Hạ Kỳ	Văn	Nam	28/02/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
148	24	26.02.34.0169	Trần Đức	Việt	Nam	06/12/1996	Tỉnh Nam Định	
		CHUYÊN NGÀNH: NGOẠI TỔNG QUÁT			(20)			
149	1	26.02.12.0171	Nguyễn Bình	An	Nam	01/08/1996	Tỉnh Bình Định	
150	2	26.02.12.0173	Nguyễn Thủy	Cúc	Nữ	25/03/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
151	3	26.02.12.0174	Tạ Thanh	Duy	Nam	11/12/1997	Tỉnh Đồng Nai	
152	4	26.02.12.0176	Trần Như	Đức	Nam	11/01/1997	Tỉnh Bình Thuận	
153	5	26.02.12.0178	Ngô Minh	Hiếu	Nam	09/05/1993	Tỉnh Long An	
154	6	26.02.12.0181	Lê Văn	Hoan	Nam	27/07/1997	Tỉnh Bình Thuận	
155	7	26.02.12.0183	Nguyễn Sĩ Duy	Kha	Nam	01/01/1998	Tỉnh Bình Định	
156	8	26.02.12.0185	Nguyễn Hiếu	Kiên	Nam	18/06/1998	Tỉnh Phú Yên	
157	9	26.02.12.0187	Nguyễn Hiền Thảo	Ly	Nữ	05/08/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	
158	10	26.02.12.0189	Nguyễn Ngọc Minh	Nam	08/07/1993	Tỉnh Tiền Giang	
159	11	26.02.12.0190	Phạm Thị Tuyết Minh	Nữ	06/12/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
160	12	26.02.12.0192	Cao Thế Nhân	Nam	04/01/1996	Tỉnh Đồng Nai	
161	13	26.02.12.0198	Nguyễn Phước Công Thành	Nam	12/11/1997	Tỉnh Đồng Nai	
162	14	26.02.12.0199	Trần Văn Thái	Nam	10/09/1996	Quảng Nam	
163	15	26.02.12.0201	Phạm Nguyễn Hải Thạch	Nam	21/02/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
164	16	26.02.12.0202	Nguyễn Đức Thọ	Nam	03/05/1982	Quảng Nam	
165	17	26.02.12.0203	Phạm Trung Tín	Nam	14/12/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
166	18	26.02.12.0204	Vũ Hoàng Minh Tín	Nam	02/04/1995	Tỉnh Lâm Đồng	
167	19	26.02.12.0208	Nguyễn Dương Anh Trường	Nam	27/03/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
168	20	26.02.12.0211	Hà Phú Xuân	Nam	24/07/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
		CHUYÊN NGÀNH: NHẮN KHOA			(12)		
169	1	26.02.08.0212	Nguyễn Văn Anh	Nữ	05/04/1990	Tỉnh Thuận Hải	
170	2	26.02.08.0213	Trần Công Danh	Nam	01/01/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
171	3	26.02.08.0214	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	15/07/1986	Tỉnh Nghệ An	
172	4	26.02.08.0215	Bùi Thị Thanh Hiền	Nữ	28/10/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
173	5	26.02.08.0216	Bùi Phương Hiền	Nữ	15/11/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
174	6	26.02.08.0217	Huỳnh Phúc Hoàng	Nam	05/06/1994	Tỉnh Khánh Hòa	
175	7	26.02.08.0218	Nguyễn Hồng Liên	Nữ	26/11/1987	Thành phố Hồ Chí Minh	
176	8	26.02.08.0219	Trần Quang Minh	Nam	28/03/1992	Tỉnh Trà Vinh	
177	9	26.02.08.0221	Chu Sỹ Nghĩa	Nam	26/10/1986	Tỉnh Hà Tĩnh	
178	10	26.02.08.0222	Nguyễn Trà Thảo Nhi	Nữ	25/03/1992	Tỉnh Bình Định	
179	11	26.02.08.0223	Trần Hoàng Oanh	Nữ	26/09/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	
180	12	26.02.08.0224	Nguyễn Hà Thu	Nữ	21/09/1993	Thành phố Hà Nội	
		CHUYÊN NGÀNH: NHI KHOA			(11)		
181	1	26.02.09.0228	Huỳnh Hoàng Duy	Nam	11/01/1997	Tỉnh Long An	
182	2	26.02.09.0230	Ngô Như Định	Nam	07/04/1984	Tỉnh Lâm Đồng	
183	3	26.02.09.0231	Nguyễn Chính Hiếu	Nam	17/10/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
184	4	26.02.09.0233	Nguyễn Trần Anh Khoa	Nam	20/08/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
185	5	26.02.09.0234	Dương Phạm Bình Long	Nam	06/06/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
186	6	26.02.09.0236	Trương Thị Phương Mai	Nữ	08/04/1993	Tỉnh Long An	
187	7	26.02.09.0237	Phạm Tuyết Ngân	Nữ	29/06/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
188	8	26.02.09.0238	Lê Hữu Đăng Nhật	Nam	25/09/1988	Đà Nẵng	
189	9	26.02.09.0239	Vũ Thị Nhịn	Nữ	01/10/1980	Tỉnh Đắk Lắk	
190	10	26.02.09.0240	Nguyễn Thị Ngọc Phương	Nữ	08/08/1984	Tỉnh Minh Hải	
191	11	26.02.09.0243	Võ Thanh Vũ	Nam	03/10/1982	Thành phố Hồ Chí Minh	
		CHUYÊN NGÀNH: PHẪU THUẬT TẠO HÌNH - THẨM MỸ			(10)		
192	1	26.02.13.0314	Châu Đông Bách	Nam	14/11/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
193	2	26.02.13.0315	Đặng Công Danh	Nam	16/06/1995	Tỉnh Bến Tre	
194	3	26.02.13.0316	Cao Lâm	Nam	28/08/1993	Tỉnh Đắk Lắk	
195	4	26.02.13.0317	Nguyễn Văn Nam	Nam	03/03/1990	Tỉnh Nam Định	
196	5	26.02.13.0319	Dương Thị Ngọc Quyên	Nữ	11/02/1984	Tiền Giang	
197	6	26.02.13.0321	Vũ Tuấn Toàn	Nam	12/08/1994	Thành phố Hải Phòng	

325

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	
198	7	26.02.13.0322	Hồ Việt	Trình	Nữ	15/03/1992	Tỉnh Gia Lai	
199	8	26.02.13.0323	Huỳnh Quang	Tuyển	Nam	15/10/1990	Tỉnh Quảng Ngãi	
200	9	26.02.13.0324	Đoàn Mạnh	Tùng	Nam	26/06/1982	Tỉnh Lạng Sơn	
201	10	26.02.13.0325	Trần Khuê	Tú	Nữ	27/07/1990	Trà Vinh	
		CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ Y TẾ			(8)			
202	1	26.02.14.0333	Nguyễn Đình Đăng	Khoa	Nam	04/10/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
203	2	26.02.14.0334	Trần Thị Hoàng	Kim	Nữ	01/03/1980	Thành phố Hồ Chí Minh	
204	3	26.02.14.0335	Phan Trần Trúc	Ly	Nữ	13/08/1994	Tỉnh Lâm Đồng	
205	4	26.02.14.0336	Đặng Vũ Anh	Thông	Nam	20/05/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
206	5	26.02.14.0337	Đỗ Thị Diễm	Thúy	Nữ	01/05/1972	Tỉnh Bến Tre	
207	6	26.02.14.0338	Mai Hồng	Tiến	Nam	05/05/1982	Thành phố Hồ Chí Minh	
208	7	26.02.14.0339	Nguyễn Thị Quỳnh	Trâm	Nữ	25/10/1985	Thành phố Hồ Chí Minh	
209	8	26.02.14.0341	Trương Trọng	Tuấn	Nam	22/03/1991	Tỉnh Long An	
		CHUYÊN NGÀNH: SẢN PHỤ KHOA			(30)			
210	1	26.02.15.0346	Quan Thành	Đạt	Nam	25/09/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
211	2	26.02.15.0349	Nguyễn Thị Kim	Hà	Nữ	21/12/1998	Tỉnh Đồng Nai	
212	3	26.02.15.0350	Trần Thị	Hạnh	Nữ	23/9/1981	Tỉnh Bến Tre	
213	4	26.02.15.0351	Đặng Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	01/07/1983	Tỉnh Tiền Giang	
214	5	26.02.15.0353	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	14/08/1988	Tỉnh Kiên Giang	
215	6	26.02.15.0354	Lê Nguyễn Trọng	Hiền	Nam	14/12/1983	Tỉnh Đồng Nai	
216	7	26.02.15.0355	La Gia	Hiếu	Nam	25/09/1983	Thành phố Hồ Chí Minh	
217	8	26.02.15.0356	Phạm Duy	Hùng	Nam	16/11/1994	Tỉnh Quảng Ngãi	
218	9	26.02.15.0359	Phạm Huỳnh Phúc	Hưng	Nam	21/10/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	
219	10	26.02.15.0362	Nguyễn Hoàng	Long	Nam	24/05/1997	Tỉnh Đồng Nai	
220	11	26.02.15.0363	Lưu Bình Bảo	Lộc	Nam	17/05/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
221	12	26.02.15.0367	Nguyễn Châu	Minh	Nam	23/01/1984	Tỉnh Tiền Giang	
222	13	26.02.15.0370	Trần Thụy Minh	Nguyệt	Nữ	11/10/1979	Thành phố Hồ Chí Minh	
223	14	26.02.15.0371	Nguyễn Trọng	Nhân	Nam	01/08/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
224	15	26.02.15.0372	Nguyễn Quang	Nhật	Nam	23/10/1990	Thừa Thiên Huế	
225	16	26.02.15.0373	Phạm Huỳnh Yến	Nhi	Nữ	10/01/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
226	17	26.02.15.0374	Trần Thị Cẩm	Nhung	Nữ	15/10/1993	Tỉnh Quảng Ngãi	
227	18	26.02.15.0375	Trương Quỳnh	Như	Nữ	21/12/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
228	19	26.02.15.0376	Hồ Thị Xuân	Nương	Nữ	01/02/1992	Tỉnh Quảng Nam	
229	20	26.02.15.0377	Dương Kim	Oanh	Nữ	23/10/1991	Tỉnh Tiền Giang	
230	21	26.02.15.0378	Ngô Hoài	Phú	Nữ	13/09/1992	tỉnh Sông Bé	
231	22	26.02.15.0379	Quách Kim	Phụng	Nữ	16/06/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
232	23	26.02.15.0380	Lê Kim	Phụng	Nữ	28/10/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
233	24	26.02.15.0382	Nguyễn Long	Phước	Nam	16/10/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
234	25	26.02.15.0385	Nguyễn Trọng	Tân	Nam	15/04/1992	Tỉnh Quảng Trị	
235	26	26.02.15.0387	Trương Thị Phương	Thảo	Nữ	08/04/1993	Tỉnh Long An	
236	27	26.02.15.0391	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	01/12/1994	Tỉnh Cà Mau	
237	28	26.02.15.0393	Nguyễn Thị Thuý	Trang	Nữ	09/11/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
238	29	26.02.15.0396	Vũ Đình	Tuấn	Nam	06/12/1977	Thành phố Hồ Chí Minh	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	
239	30	26.02.15.0401	Vũ Thanh	Vy	Nữ	29/01/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
		CHUYÊN NGÀNH: TAI MŨI HỌNG			(20)			
240	1	26.02.16.0402	Lê Thị Hoài	Anh	Nữ	16/03/1993	Tỉnh Thanh Hóa	
241	2	26.02.16.0403	Trần Minh	Ân	Nam	11/08/1996	Tỉnh Đắk Nông	
242	3	26.02.16.0405	Nguyễn Đức	Bảo	Nam	13/05/1995	Tỉnh Lâm Đồng	
243	4	26.02.16.0406	Nguyễn Việt	Châu	Nam	28/10/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
244	5	26.02.16.0411	Trương Thu	Hiền	Nữ	24/09/1989	Thành phố Hồ Chí Minh	
245	6	26.02.16.0413	Nguyễn Tông	Khanh	Nam	23/09/1996	Sông Bé	
246	7	26.02.16.0414	Lý Quang	Khải	Nam	19/06/1986	tỉnh Sóc Trăng	
247	8	26.02.16.0416	Trần Thanh	Long	Nam	30/11/1992	Tỉnh Đồng Nai	
248	9	26.02.16.0418	Nguyễn Đăng	Lộng	Nam	08/01/1981	Tỉnh Quảng Trị	
249	10	26.02.16.0420	Phạm Minh	Ngọc	Nam	13/10/1986	Tỉnh Đồng Nai	
250	11	26.02.16.0422	Lê Đức Thành	Nhân	Nam	10/11/1992	Tỉnh An Giang	
251	12	26.02.16.0423	Nguyễn Tấn	Phước	Nam	11/9/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
252	13	26.02.16.0424	Hồ Thị Thanh	Tâm	Nữ	20/11/1992	Tỉnh Thanh Hóa	
253	14	26.02.16.0425	Lê Hồ Bằng	Tâm	Nữ	10/12/1988	Thành phố Hồ Chí Minh	
254	15	26.02.16.0426	Quách Minh	Tấn	Nam	01/12/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
255	16	26.02.16.0427	Lương Nguyễn Thanh	Thảo	Nữ	07/10/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
256	17	26.02.16.0428	Nguyễn Hoài	Thu	Nữ	19/08/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
257	18	26.02.16.0429	Trần Anh	Thư	Nữ	27/08/1990	Thành phố Hà Nội	
258	19	26.02.16.0432	Dương Anh	Vũ	Nam	05/12/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
259	20	26.02.16.0434	Nguyễn Thị Tường	Vy	Nữ	13/05/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	
		CHUYÊN NGÀNH: THẦN KINH			(8)			
260	1	26.02.17.0437	Lý Ngọc Lê	Cát	Nam	07/01/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
261	2	26.02.17.0438	Phí Ngọc	Dương	Nam	17/01/1987	Tỉnh Bình Phước	
262	3	26.02.17.0439	Đinh Hoàng	Đức	Nam	03/04/1988	Tỉnh Gia Lai	
263	4	26.02.17.0441	Phạm Hồng	Hiếu	Nữ	16/09/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
264	5	26.02.17.0442	Nguyễn Thái Vĩnh	Hồ	Nam	30/09/1994	Tỉnh Tiền Giang	
265	6	26.02.17.0444	Trần Thị	Nga	Nữ	25/08/1991	Quảng Nam	
266	7	26.02.17.0445	Lê Công	Trí	Nam	03/05/1992	tỉnh Phú Yên	
267	8	26.02.17.0446	Trần Văn	Út	Nam	19/09/1977	SÓC TRĂNG	
		CHUYÊN NGÀNH: TRUYỀN NHIỆM			(3)			
268	1	26.02.19.0447	Nguyễn Hoàng	Anh	Nam	28/06/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
269	2	26.02.19.0448	Nguyễn Thị Bích	Liên	Nữ	05/06/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
270	3	26.02.19.0449	Lê Đỗ Đình	Nguyễn	Nam	19/07/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
		CHUYÊN NGÀNH: UNG BƯỞU			(10)			
271	1	26.02.20.0450	Phạm Trần Minh	Châu	Nữ	15/08/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
272	2	26.02.20.0452	Mạc Thủy Thảo	Phương	Nữ	04/05/1989	Tỉnh Gia Lai	
273	3	26.02.20.0453	Nguyễn Hoàng	Phương	Nam	27/12/1989	Thành phố Hồ Chí Minh	
274	4	26.02.20.0454	Đặng Xuân	Quỳnh	Nữ	23/03/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
275	5	26.02.20.0455	Nguyễn Thành	Tâm	Nam	30/09/1985	Thành phố Hồ Chí Minh	
276	6	26.02.20.0456	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	30/12/1992	tỉnh Sông Bé	
277	7	26.02.20.0457	Nguyễn Đức	Toàn	Nam	02/12/1989	Tỉnh Long An	
278	8	26.02.20.0458	Phạm Thị Tâm	Trình	Nữ	07/01/1980	Thành phố Hồ Chí Minh	
279	9	26.02.20.0459	Trần Thanh	Tùng	Nam	01/03/1991	Tỉnh Khánh Hòa	
280	10	26.02.20.0460	Phạm Thị Ngọc	Tú	Nữ	15/11/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	

DANH SÁCH CÔNG NHẬN HỌC VIÊN SAU ĐẠI HỌC NĂM 2026

ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA CẤP I

(Kèm Quyết định số59.26.../QĐ-TĐHYKPNT, ngày ...03 tháng 9... năm 2026 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch)

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
		CHUYÊN NGÀNH: CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH			(58)		
1	1	26.01.01.0001	Trần Thị Thiên An	Nữ	03/10/1999	Tỉnh Bến Tre	
2	2	26.01.01.0003	Nguyễn Đăng An	Nam	04/12/1993	Tỉnh Đồng Nai	
3	3	26.01.01.0004	Nguyễn Duy Anh	Nam	13/02/1995	Tỉnh Vĩnh Long	
4	4	26.01.01.0012	Quách Thị Thiên Anh	Nữ	13/06/2000	Kiên Giang	
5	5	26.01.01.0017	Đồng Phương Ân	Nữ	19/08/1997	Tỉnh Kiên Giang	
6	6	26.01.01.0021	Vũ Ngô Uy Bình	Nam	25/04/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
7	7	26.01.01.0026	Nguyễn Thị Thùy Châu	Nữ	24/09/1998	Kon Tum	
8	8	26.01.01.0027	Trương Thị Kim Chi	Nữ	20/09/1998	Tỉnh Vĩnh Long	
9	9	26.01.01.0029	Bùi Cương	Nam	02/05/1995	Tỉnh Nghệ An	
10	10	26.01.01.0030	Nguyễn Cô Diễm	Nữ	23/02/1997	Bà Rịa - Vũng Tàu	
11	11	26.01.01.0047	Nguyễn Tuấn Hải	Nam	02/05/1999	Bình Định	
12	12	26.01.01.0048	Nguyễn Thị Đức Hải	Nữ	20/07/1999	Ninh Thuận	
13	13	26.01.01.0052	Nguyễn Thanh Minh Hậu	Nữ	25/12/1998	Tỉnh Phú Yên	
14	14	26.01.01.0053	Hồ Xuân Hoàng	Nam	06/02/1998	Tỉnh Đắk Lắk	
15	15	26.01.01.0058	Đới Sỹ Huy	Nam	30/01/1993	Quảng Bình	
16	16	26.01.01.0059	Bùi Xuân Huy	Nam	28/09/1999	Tỉnh Gia Lai	
17	17	26.01.01.0063	Đỗ Thị Thanh Huyền	Nữ	12/05/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
18	18	26.01.01.0067	Phạm Thế Hùng	Nam	23/02/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
19	19	26.01.01.0068	Phạm Thành Hưng	Nam	06/01/1996	Tỉnh Lâm Đồng	
20	20	26.01.01.0072	Bùi Thị Ngọc Hương	Nữ	08/02/1997	Tỉnh Lâm Đồng	
21	21	26.01.01.0083	Nguyễn Phước Lâm	Nam	21/03/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
22	22	26.01.01.0084	Ngô Thị Thùy Liên	Nữ	24/07/1990	Tỉnh Lâm Đồng	
23	23	26.01.01.0087	Nguyễn Hải Long	Nam	18/06/2000	Tỉnh Bắc Ninh	
24	24	26.01.01.0097	Thái Hoàng Minh	Nam	19/09/1998	Tỉnh Vĩnh Long	
25	25	26.01.01.0101	Trần Ngọc Nam	Nam	16/05/1999	Tỉnh Khánh Hòa	
26	26	26.01.01.0109	Tô Thị Ngân	Nữ	25/08/1999	tỉnh Bình Phước	
27	27	26.01.01.0113	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nữ	26/10/1999	Sóc Trăng	
28	28	26.01.01.0115	Đặng Huỳnh Nguyên	Nam	28/10/1998	Bình Định	
29	29	26.01.01.0120	Nguyễn Ngọc Bảo Nhi	Nữ	30/09/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
30	30	26.01.01.0122	Huỳnh Thị Nhi	Nữ	15/04/1997	Thành phố Đà Nẵng	
31	31	26.01.01.0127	Hồ Nguyễn Thanh Như	Nữ	20/01/2000	Bình Phước	
32	32	26.01.01.0135	Giáp Hà Phương	Nữ	27/06/1998	Quảng Nam	
33	33	26.01.01.0144	Lê Khắc Minh Quân	Nam	05/11/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
34	34	26.01.01.0146	Lương Tố Quyên	Nữ	10/03/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
35	35	26.01.01.0155	Lê Thị Sương	Nữ	06/11/1996	Tỉnh Nghệ An	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
36	36	26.01.01.0161	Thái Minh	Tâm	Nam	25/07/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
37	37	26.01.01.0162	Trần Duy	Tân	Nam	28/07/1997	Quảng Nam	
38	38	26.01.01.0165	Trần Hoàng	Thao	Nam	08/09/2000	Tỉnh Lâm Đồng	
39	39	26.01.01.0166	Trần Đình	Thành	Nam	20/02/1994	Tỉnh Nghệ An	
40	40	26.01.01.0167	Nguyễn Thị Dạ	Thảo	Nữ	06/07/1999	Tỉnh Lâm Đồng	
41	41	26.01.01.0168	Nguyễn Hoàng Phương	Thảo	Nữ	22/09/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
42	42	26.01.01.0169	Đậu Thị	Thảo	Nữ	13/01/1995	Tỉnh Nghệ An	
43	43	26.01.01.0170	Đỗ Thị Phương	Thảo	Nữ	28/12/1998	Tỉnh Thanh Hóa	
44	44	26.01.01.0174	Nguyễn Đặng Phương	Thảo	Nữ	03/03/2000	Tỉnh Cà Mau	
45	45	26.01.01.0176	Nguyễn Hồng	Thái	Nam	10/08/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
46	46	26.01.01.0178	Bùi Đức	Thắng	Nam	16/01/1997	Bình Phước	
47	47	26.01.01.0180	Trần Bá	Thiên	Nam	04/04/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
48	48	26.01.01.0183	Nguyễn Văn	Thịnh	Nam	04/08/1999	Tỉnh Nghệ An	
49	49	26.01.01.0184	Nguyễn Thị Oanh	Thơ	Nữ	14/02/1998	Tỉnh Đắk Lắk	
50	50	26.01.01.0193	Hồ Thị Hoài	Thương	Nữ	22/05/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
51	51	26.01.01.0194	Lê Thị	Thương	Nữ	03/02/1994	Tỉnh Đắk Lắk	
52	52	26.01.01.0195	Phạm Sơn Minh	Thy	Nữ	21/09/1997	Sóc Trăng	
53	53	26.01.01.0210	Nguyễn Trần Nguyên	Trân	Nữ	21/07/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
54	54	26.01.01.0216	Nguyễn Lê Hoàng	Tuấn	Nam	08/05/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
55	55	26.01.01.0217	Trần Thanh	Tùng	Nam	14/11/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
56	56	26.01.01.0219	Nguyễn Thị Minh	Tú	Nữ	07/10/1993	Tỉnh Đắk Lắk	
57	57	26.01.01.0228	Nguyễn Quang	Vinh	Nam	03/11/1997	Tỉnh An Giang	
58	58	26.01.01.0234	Hoàng Thị Hải	Yến	Nữ	20/01/1998	Bình Phước	
CHUYÊN NGÀNH: CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH						(39)		
59	1	26.01.02.0237	Nguyễn Phạm Bình Gia	An	Nam	20/11/2000	Tỉnh Gia Lai	
60	2	26.01.02.0239	Phan Quang Gia	Bảo	Nam	18/11/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
61	3	26.01.02.0240	Trần Anh	Bảo	Nam	19/09/1995	Tỉnh Hà Tĩnh	
62	4	26.01.02.0243	Nguyễn Công	Bình	Nam	18/03/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
63	5	26.01.02.0246	Ngô Nguyễn Nguyên	Chương	Nam	24/01/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
64	6	26.01.02.0249	Trần Nhất	Duy	Nam	02/04/1999	Tỉnh Tây Ninh	
65	7	26.01.02.0250	Phạm Đức	Duy	Nam	10/08/1999	Tỉnh Nghệ An	
66	8	26.01.02.0256	Nguyễn Thành	Đô	Nam	09/09/1998	Long An	
67	9	26.01.02.0264	Nguyễn Trí	Hiện	Nam	12/10/2000	Bạc Liêu	
68	10	26.01.02.0266	Danh	Hoàng	Nam	20/10/1990	Kiên Giang	
69	11	26.01.02.0269	Lê Võ Tấn	Hoàng	Nam	14/08/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
70	12	26.01.02.0270	Nguyễn Minh	Huy	Nam	07/02/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
71	13	26.01.02.0271	Phạm Quang	Huy	Nam	01/01/1998	Bình Định	
72	14	26.01.02.0272	Nguyễn Quang	Huy	Nam	07/07/1996	Thành phố Đà Nẵng	
73	15	26.01.02.0273	Đỗ Thế	Huy	Nam	04/10/1999	Tỉnh Quảng Ngãi	
74	16	26.01.02.0277	Đặng Minh	Khá	Nam	09/02/1998	Tỉnh An Giang	
75	17	26.01.02.0279	Nguyễn Văn Phước	Khiêm	Nam	13/03/1994	Thành phố Huế	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
76	18	26.01.02.0281	Võ Lâm Hoàng Khôi	Nam	22/06/1997	Tỉnh Đồng Tháp	
77	19	26.01.02.0284	Nguyễn Vũ Quang Lâm	Nam	16/04/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
78	20	26.01.02.0289	Vũ Trần Sinh Lợi	Nam	16/02/1999	Tỉnh Lâm Đồng	
79	21	26.01.02.0293	Nguyễn Trọng Nghĩa	Nam	21/06/1998	Long An	
80	22	26.01.02.0305	Phan Lý Phúc	Nam	09/01/1996	Bình Định	
81	23	26.01.02.0307	Nguyễn Anh Quân	Nam	11/03/1999	Tỉnh Nghệ An	
82	24	26.01.02.0309	Dương Minh Quyền	Nam	15/06/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
83	25	26.01.02.0311	Nghiêm Hồng Sang	Nam	24/02/1996	Tỉnh An Giang	
84	26	26.01.02.0316	Phạm Trần Ngọc Thành	Nam	17/12/1997	Tỉnh Đồng Nai	
85	27	26.01.02.0322	Đoàn Ngọc Thịnh	Nam	13/11/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
86	28	26.01.02.0323	Nguyễn Phúc Thịnh	Nam	14/01/1997	Tỉnh Vĩnh Long	
87	29	26.01.02.0325	Vũ Văn Thuận	Nam	05/09/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
88	30	26.01.02.0326	Võ Minh Tín	Nam	25/01/2000	Tỉnh Phú Yên	
89	31	26.01.02.0332	Lê Cảnh Trường	Nam	08/06/1998	Tỉnh Nghệ An	
90	32	26.01.02.0334	Nguyễn Văn Tuấn	Nam	16/03/1995	Tỉnh Nghệ An	
91	33	26.01.02.0335	Lâm Minh Tuấn	Nam	13/06/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
92	34	26.01.02.0337	Trần Anh Tuấn	Nam	30/06/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
93	35	26.01.02.0339	Nguyễn Văn Tuấn	Nam	10/10/1990	Tỉnh Thanh Hóa	
94	36	26.01.02.0340	Lê Anh Tuấn	Nam	10/06/1999	Tỉnh Đắk Lắk	
95	37	26.01.02.0341	Nguyễn Minh Tú	Nam	02/07/1993	Long An	
96	38	26.01.02.0342	Bùi Hoàng Phương Tú	Nữ	13/02/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
97	39	26.01.02.0347	Hsu Che Wei	Nam	02/09/1997	Trung Quốc (Đài Loan)	
CHUYỂN NGÀNH: DA LIỄU					(30)		
98	1	26.01.03.0348	Nguyễn Lộc Thuý An	Nữ	20/05/1998	Bến Tre	
99	2	26.01.03.0352	Trương Minh Anh	Nữ	01/06/1998	Bắc Giang	
100	3	26.01.03.0356	Đỗ Tuấn Anh	Nữ	24/01/1998	Hải Dương	
101	4	26.01.03.0359	Đỗ Ngọc Quế Anh	Nữ	28/11/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
102	5	26.01.03.0360	Lương Vũ Quỳnh Anh	Nữ	07/09/1997	Bình Định	
103	6	26.01.03.0362	Trần Quế Anh	Nữ	01/04/2000	Tỉnh Lâm Đồng	
104	7	26.01.03.0367	Phan Lê Minh Châu	Nữ	14/02/2000	Tỉnh Đắk Lắk	
105	8	26.01.03.0401	Võ Thị Anh Hương	Nữ	21/10/1998	Quảng Nam	
106	9	26.01.03.0402	Tô Vũ Quỳnh Hương	Nữ	26/09/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
107	10	26.01.03.0405	Nguyễn Thiên Hương	Nữ	15/10/1999	Kiên Giang	
108	11	26.01.03.0408	Trần Thảo Phương Niê	Nữ	08/05/1996	Tỉnh Đắk Lắk	
109	12	26.01.03.0409	Bùi Văn Khải	Nam	23/09/1998	Sóc Trăng	
110	13	26.01.03.0415	Huỳnh Lam	Nữ	06/11/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
111	14	26.01.03.0416	Nguyễn Thị Hoàng Lan	Nữ	14/04/2000	Bình Phước	
112	15	26.01.03.0419	Đoàn Thị Thùy Linh	Nữ	20/04/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
113	16	26.01.03.0421	Dương Phạm Thùy Linh	Nữ	11/09/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
114	17	26.01.03.0444	Vũ Phi Phi	Nữ	01/10/1998	Tỉnh Đắk Lắk	
115	18	26.01.03.0451	Trần Hồ Minh Phương	Nữ	11/03/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
116	19	26.01.03.0452	Nguyễn Thị Bích	Phượng	Nữ	28/09/1999	Bình Phước	
117	20	26.01.03.0455	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	Nữ	28/05/1999	Tỉnh Đắk Lắk	
118	21	26.01.03.0461	Nguyễn Thị	Sương	Nữ	02/04/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	
119	22	26.01.03.0466	Nguyễn Phương	Thanh	Nữ	22/03/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
120	23	26.01.03.0471	Từ Công Phương	Thảo	Nữ	08/10/1998	Ninh Thuận	
121	24	26.01.03.0478	Võ Thị Minh	Thu	Nữ	14/08/1998	Bình Định	
122	25	26.01.03.0498	Phan Nguyễn Minh	Trí	Nam	13/03/1997	Tỉnh Lâm Đồng	
123	26	26.01.03.0505	Cao Trần Thảo	Uyên	Nữ	23/03/1997	Bình Thuận	
124	27	26.01.03.0506	Nguyễn Thị Tổ	Uyên	Nữ	21/10/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
125	28	26.01.03.0507	Vũ Bảo	Uyên	Nữ	19/07/2000	Tỉnh Lâm Đồng	
126	29	26.01.03.0519	Lê Thị Nhựt	Vy	Nữ	02/09/2000	Thành phố Cần Thơ	
127	30	26.01.03.0521	Lê Thị Ngọc	Yến	Nữ	30/03/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
CHUYÊN NGÀNH: DƯỢC LÝ - DƯỢC LÂM SÀNG						(4)		
128	1	26.01.31.0547	Đặng Thị Hoài	Đông	Nữ	27/02/1992	Tỉnh Hà Tĩnh	
129	2	26.01.31.0548	Nguyễn Thị Cẩm	Linh	Nữ	20/12/1997	Tỉnh Đồng Nai	
130	3	26.01.31.0549	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	12/07/1982	Tiền Giang	
131	4	26.01.31.0550	Nguyễn Thị Tinh	Nhi	Nữ	31/05/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
CHUYÊN NGÀNH: ĐIỀU DƯỠNG						(20)		
132	1	26.01.04.0523	Trịnh Thị	Bắc	Nữ	01/12/1989	Tỉnh Đồng Nai	
133	2	26.01.04.0524	Phạm Thị Quý	Cẩm	Nữ	15/06/1993	Tỉnh Hà Tĩnh	
134	3	26.01.04.0525	Phạm Thị	Chinh	Nữ	01/09/1988	Tỉnh Ninh Bình	
135	4	26.01.04.0527	Phan Thị	Huyền	Nữ	26/10/1986	Thành phố Hải Phòng	
136	5	26.01.04.0528	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	09/08/1992	Sông Bé	
137	6	26.01.04.0529	Phạm Thị Hạ	Huyền	Nữ	26/10/1993	Tỉnh Nghệ An	
138	7	26.01.04.0530	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	12/08/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
139	8	26.01.04.0531	Nguyễn Thị Yến	Hương	Nữ	05/09/1990	Quảng Bình	
140	9	26.01.04.0532	Trương Thùy	Linh	Nữ	25/08/1998	Tỉnh Quảng Trị	
141	10	26.01.04.0533	Ngô Thị Ngọc	Mai	Nữ	15/08/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	
142	11	26.01.04.0534	Nguyễn Thị	Minh	Nữ	26/06/1988	Tỉnh Nghệ An	
143	12	26.01.04.0535	Lê Nhật	Minh	Nam	21/11/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
144	13	26.01.04.0536	Lê Thị Kim	Ngân	Nữ	08/11/1984	Thành phố Hồ Chí Minh	
145	14	26.01.04.0537	Vũ Ngọc	Nhi	Nữ	06/10/2001	Tỉnh Vĩnh Long	
146	15	26.01.04.0539	Ngô Bá	Quốc	Nam	13/05/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
147	16	26.01.04.0540	Phạm Tấn	Tài	Nam	08/02/1993	Long An	
148	17	26.01.04.0542	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	15/5/1979	Tiền Giang	
149	18	26.01.04.0544	Tạ Thị Cẩm	Vân	Nữ	09/07/1988	Thành phố Hồ Chí Minh	
150	19	26.01.04.0545	Trần Thị Hoàng	Vi	Nữ	28/10/1996	Tỉnh Đắk Lắk	
151	20	26.01.04.0546	Đỗ Thị Ngọc	Yến	Nữ	06/06/1984	Thái Bình	
CHUYÊN NGÀNH: GÂY MÊ HỒI SỨC						(23)		
152	1	26.01.05.0552	Nguyễn Trường	An	Nam	17/02/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
153	2	26.01.05.0557	Thái Ngọc	Ánh	Nữ	19/01/1999	Tỉnh Đắk Lắk	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
154	3	26.01.05.0561	Hoàng Ngọc	Bằng	Nam	19/03/1999	Tỉnh Đắk Lắk	
155	4	26.01.05.0563	Nguyễn Hồng Ngọc	Cầm	Nữ	26/10/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
156	5	26.01.05.0568	Dư Thị Thùy	Dương	Nữ	19/01/1998	Tỉnh Lâm Đồng	
157	6	26.01.05.0571	Trần Ngọc Viễn	Đông	Nam	10/06/1998	Tỉnh Bình Phước	
158	7	26.01.05.0573	Nguyễn Lê Quang	Đức	Nam	08/01/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
159	8	26.01.05.0574	Lê Thị Châu	Em	Nữ	14/11/1998	Tỉnh Kiên Giang	
160	9	26.01.05.0586	Hoàng Thị Việt	Hường	Nữ	27/08/1995	Tỉnh Nghệ An	
161	10	26.01.05.0591	Nguyễn Chí	Linh	Nam	30/07/1996	Tỉnh Đồng Tháp	
162	11	26.01.05.0592	Nguyễn Ngọc	Linh	Nam	23/10/1997	Tỉnh Bến Tre	
163	12	26.01.05.0595	Ngô Đình	Mạnh	Nam	30/10/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
164	13	26.01.05.0597	Thạch Thị Trúc	My	Nữ	17/07/1995	Tỉnh Trà Vinh	
165	14	26.01.05.0598	Nguyễn Hải	Nam	Nam	03/10/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
166	15	26.01.05.0602	Huỳnh Hà Uyên	Nhi	Nữ	08/06/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
167	16	26.01.05.0609	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	Nữ	14/11/1998	Tỉnh Đắk Lắk	
168	17	26.01.05.0616	Nguyễn Đức	Thắng	Nam	12/10/1994	Tỉnh Đắk Lắk	
169	18	26.01.05.0622	Trần Minh	Thuận	Nam	31/01/1988	Thành phố Hồ Chí Minh	
170	19	26.01.05.0625	Lê Minh	Tiến	Nam	11/04/1995	Tỉnh Kiên Giang	
171	20	26.01.05.0631	Lương Nguyễn Phúc	Trình	Nữ	18/01/2000	Tỉnh An Giang	
172	21	26.01.05.0641	Lê Văn	Tú	Nam	02/05/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
173	22	26.01.05.0645	Lê Vũ Thanh	Vân	Nữ	04/01/1998	Tỉnh Đắk Lắk	
174	23	26.01.05.0647	Nguyễn Nhật	Vĩnh	Nam	04/05/2000	Tỉnh Đắk Lắk	
		CHUYÊN NGÀNH: HỒI SỨC CẤP CỨU - CHỐNG ĐỘC				(44)		
175	1	26.01.06.0651	Đào Ngọc	Anh	Nam	01/02/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
176	2	26.01.06.0652	Phạm Giang	Bảo	Nam	12/03/1994	Tỉnh Long An	
177	3	26.01.06.0654	Nguyễn Ru	Bi	Nam	15/09/1989	Thành phố Hồ Chí Minh	
178	4	26.01.06.0655	Nguyễn Đình	Bình	Nam	02/10/1993	Tỉnh Nghệ An	
179	5	26.01.06.0656	Võ Nguyễn Thanh	Bình	Nữ	19/11/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
180	6	26.01.06.0658	Trương Thành	Cung	Nam	03/12/1998	Tỉnh Sóc Trăng	
181	7	26.01.06.0660	Bùi Thanh	Duy	Nam	26/12/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
182	8	26.01.06.0663	Nguyễn Hoàng	Dũng	Nam	10/11/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
183	9	26.01.06.0665	Nguyễn Bảo	Dương	Nam	03/12/1996	Tỉnh Cà Mau	
184	10	26.01.06.0667	Lưu Phương	Đông	Nam	23/10/1998	Tỉnh Gia Lai	
185	11	26.01.06.0668	Đình Nô	Ê	Nam	12/10/1993	Tỉnh Quảng Ngãi	
186	12	26.01.06.0669	Nguyễn Khắc Hoàng	Hải	Nam	11/10/1997	Tỉnh Đồng Nai	
187	13	26.01.06.0675	Nguyễn Đình	Hoàng	Nam	19/08/1994	Tỉnh Gia Lai	
188	14	26.01.06.0679	Lê Quốc	Hưng	Nam	29/06/2000	Tỉnh Bến Tre	
189	15	26.01.06.0684	Lê Thanh	Khôi	Nam	01/07/1991	Tỉnh Bình Thuận	
190	16	26.01.06.0685	Đổng Tuấn	Kiệt	Nam	19/02/2000	Tỉnh Kiên Giang	
191	17	26.01.06.0686	Phan Thị Thúy	Liễu	Nữ	15/07/1990	Tỉnh Tây Ninh	
192	18	26.01.06.0687	Lô Thị Bích	Liễu	Nữ	11/06/1998	Tỉnh Lâm Đồng	
193	19	26.01.06.0688	Phạm Diệu	Linh	Nữ	06/12/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
194	20	26.01.06.0692	Võ Đăng Phương	Minh	Nữ	01/02/1995	Bến Tre	
195	21	26.01.06.0694	Nguyễn Hải Quỳnh	My	Nữ	18/05/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
196	22	26.01.06.0695	Đỗ Thị Diễm	My	Nữ	15/10/1993	Tỉnh Bình Thuận	
197	23	26.01.06.0696	Đoàn Thị Kim	Ngoan	Nữ	02/01/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
198	24	26.01.06.0702	Nguyễn Văn	Nhôm	Nam	08/07/1979	Tỉnh An Giang	
199	25	26.01.06.0703	Lý Thị Huỳnh	Nhung	Nữ	31/03/1996	Tỉnh Đồng Tháp	
200	26	26.01.06.0706	Lương Lai	Quang	Nam	21/10/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
201	27	26.01.06.0710	Nguyễn Huy	Quyền	Nam	19/05/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	
202	28	26.01.06.0712	Nguyễn Vũ Mai	Tâm	Nữ	04/02/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
203	29	26.01.06.0713	Trần Anh	Tâm	Nữ	19/04/1997	Tỉnh Khánh Hòa	
204	30	26.01.06.0716	Nguyễn Hữu	Thắng	Nam	20/05/1978	Tỉnh Bình Định	
205	31	26.01.06.0718	Phan Ngọc	Thiện	Nam	13/06/2000	Tỉnh Bình Thuận	
206	32	26.01.06.0719	Võ Đan	Thuận	Nam	22/06/1997	Tỉnh Đồng Tháp	
207	33	26.01.06.0721	Ngô Khánh	Thy	Nam	05/10/1998	Tỉnh Long An	
208	34	26.01.06.0724	Huỳnh Văn	Tiến	Nam	20/10/1994	Tỉnh Quảng Ngãi	
209	35	26.01.06.0725	Nguyễn Thanh	Toàn	Nam	15/10/1984	Tỉnh Kiên Giang	
210	36	26.01.06.0726	Trần Minh	Trang	Nữ	23/12/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
211	37	26.01.06.0727	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	Nữ	05/03/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
212	38	26.01.06.0730	Lâm Thị Tuyết	Trinh	Nữ	20/06/2000	Tỉnh Tây Ninh	
213	39	26.01.06.0734	Hà Chí	Trung	Nam	05/12/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
214	40	26.01.06.0735	Trần Bá Anh	Tuấn	Nam	19/09/1997	Tỉnh Kiên Giang	
215	41	26.01.06.0737	Phan Đoàn Minh	Tuấn	Nam	11/10/1997	Tỉnh Đồng Nai	
216	42	26.01.06.0738	Nguyễn Trọng	Tuệ	Nam	26/05/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
217	43	26.01.06.0740	Nguyễn Minh	Tú	Nam	31/10/1992	Tỉnh Tiền Giang	
218	44	26.01.06.0743	Nguyễn Triệu	Vỹ	Nam	24/07/1998	Thành phố Cần Thơ	
CHUYÊN NGÀNH: HUYẾT HỌC					(3)			
219	1	26.01.07.0746	Phan Thị Thùy	Dương	Nữ	16/12/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
220	2	26.01.07.0748	Nguyễn Phi	Lix	Nam	26/04/1996	Tỉnh Bạc Liêu	
221	3	26.01.07.0749	Nguyễn Văn	Thạo	Nam	24/04/1979	Tỉnh Long An	
CHUYÊN NGÀNH: NỘI TỔNG QUÁT					(60)			
222	1	26.01.10.0968	Nguyễn Tấn	An	Nam	08/07/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
223	2	26.01.10.0971	Phạm Ngọc Vân	Anh	Nữ	28/11/2000	Tỉnh Cà Mau	
224	3	26.01.10.0975	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	05/08/1995	Tỉnh Thái Bình	
225	4	26.01.10.0976	Lưu Tuyết	Ân	Nữ	19/09/1998	Kiên Giang	
226	5	26.01.10.0983	Nguyễn Văn	Chánh	Nam	28/09/1997	Tỉnh Lâm Đồng	
227	6	26.01.10.0991	Đỗ Quốc	Cường	Nam	08/08/1999	Bình Dương	
228	7	26.01.10.0996	Hoàng Thị Mỹ	Dung	Nữ	19/08/1995	Tỉnh Quảng Trị	
229	8	26.01.10.0997	Dương Nguyễn	Duy	Nam	16/05/1997	Tỉnh Tây Ninh	
230	9	26.01.10.1001	Nguyễn Thị Kiều	Duyên	Nữ	17/11/2000	Tỉnh Đắk Lắk	
231	10	26.01.10.1008	Nguyễn Hoàng Tâm	Đan	Nữ	28/12/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
232	11	26.01.10.1011	Lê Nguyễn Quý	Đạt	Nam	23/06/2000	Tỉnh Lâm Đồng	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
233	12	26.01.10.1014	Phạm Hữu Việt	Đức	Nam	09/02/1998	Thành phố Hải Phòng	
234	13	26.01.10.1019	Bùi Mạnh	Hà	Nam	16/10/1992	Tỉnh Ninh Bình	
235	14	26.01.10.1020	Hồ Thế	Hào	Nam	08/09/1998	Tỉnh Khánh Hòa	
236	15	26.01.10.1030	Trần Thu	Hoài	Nữ	26/11/1996	Tỉnh Ninh Bình	
237	16	26.01.10.1037	Phùng Ngọc	Huy	Nam	09/10/2000	Bình Định	
238	17	26.01.10.1038	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	21/04/1994	Tỉnh Đắk Lắk	
239	18	26.01.10.1039	Nguyễn Trần Đức	Huy	Nam	02/01/1995	Tỉnh Lâm Đồng	
240	19	26.01.10.1046	Nguyễn Duy	Khanh	Nam	09/04/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
241	20	26.01.10.1052	Trần Đăng	Khoa	Nam	13/10/1997	Thành phố Cần Thơ	
242	21	26.01.10.1055	Nguyễn Huy	Khôi	Nam	30/03/1998	Tỉnh Khánh Hòa	
243	22	26.01.10.1057	Phạm Tuấn	Kiệt	Nam	25/01/1999	Tỉnh Đồng Nai	
244	23	26.01.10.1060	Phạm Thiên	Kim	Nữ	01/05/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
245	24	26.01.10.1064	Phạm Mỹ	Linh	Nữ	26/11/1997	Tỉnh Lâm Đồng	
246	25	26.01.10.1069	Siu H'	Lôm	Nữ	23/09/1997	Tỉnh Gia Lai	
247	26	26.01.10.1081	Hồ Thị	Nga	Nữ	05/03/2000	Đắk Lắk	
248	27	26.01.10.1084	Đỗ Thị Thùy	Ngân	Nữ	12/08/1997	Thành phố Đà Nẵng	
249	28	26.01.10.1085	Huỳnh Thành	Nghĩa	Nam	02/01/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
250	29	26.01.10.1087	Phạm Minh	Ngọc	Nữ	16/03/1995	Tỉnh Tây Ninh	
251	30	26.01.10.1088	Trần Hồng	Ngọc	Nữ	23/09/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
252	31	26.01.10.1093	Nguyễn Kim Khánh	Nhật	Nam	02/07/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
253	32	26.01.10.1095	Võ Thị Yến	Nhi	Nữ	01/10/1999	Quảng Nam	
254	33	26.01.10.1100	Trần Thị Quỳnh	Như	Nữ	24/08/2000	Tỉnh An Giang	
255	34	26.01.10.1103	Trần Thị	Oanh	Nữ	05/08/1998	Tỉnh Đắk Lắk	
256	35	26.01.10.1104	Huỳnh Thị Kiều	Oanh	Nữ	09/10/1998	Tỉnh Quảng Ngãi	
257	36	26.01.10.1112	Phạm Thanh	Phong	Nam	19/07/1999	Bình Dương	
258	37	26.01.10.1115	Nguyễn Quang	Phú	Nam	04/01/1996	Tỉnh Đắk Lắk	
259	38	26.01.10.1116	Phạm Quang	Phú	Nam	09/08/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
260	39	26.01.10.1133	Nguyễn Minh	Quang	Nam	22/02/1998	Tiền Giang	
261	40	26.01.10.1134	Tăng Tiến	Quang	Nam	16/02/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
262	41	26.01.10.1135	Nguyễn Trần	Quang	Nam	18/02/1999	Tỉnh Phú Yên	
263	42	26.01.10.1140	Hà Ngọc Thảo	Quỳnh	Nữ	06/11/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
264	43	26.01.10.1141	Trần Hoàng	Quý	Nam	01/09/1999	Tỉnh Bình Thuận	
265	44	26.01.10.1143	Đỗ Phúc	Sinh	Nam	12/02/1997	Tỉnh Bình Định	
266	45	26.01.10.1146	Trần Thị Thu	Sương	Nữ	18/09/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
267	46	26.01.10.1148	Vũ Thị Hồng	Tâm	Nữ	18/06/1994	Tỉnh Gia Lai	
268	47	26.01.10.1149	Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	01/05/1995	Tỉnh Hà Tĩnh	
269	48	26.01.10.1151	Võ Hoàng	Tân	Nam	10/12/2000	Tỉnh Đồng Tháp	
270	49	26.01.10.1152	Nguyễn Trường	Tân	Nam	25/08/1991	Tỉnh Tây Ninh	
271	50	26.01.10.1157	Trương Thanh	Thảo	Nữ	07/10/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
272	51	26.01.10.1172	Huỳnh Thị Mộng	Thúy	Nữ	21/03/1995	Tỉnh Quảng Ngãi	
273	52	26.01.10.1173	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	Nữ	22/10/1999	Tỉnh Bình Thuận	

7/11/2020

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
274	53	26.01.10.1179	Nguyễn Thành	Thường	Nam	14/02/1998	Tỉnh Đắk Lắk	
275	54	26.01.10.1181	Thái Công	Tiến	Nam	07/10/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
276	55	26.01.10.1190	Nguyễn Thị Thanh	Trâm	Nữ	05/12/1998	Tỉnh Quảng Nam	
277	56	26.01.10.1192	Võ Thị Băng	Trâm	Nữ	23/02/1997	Tỉnh Bến Tre	
278	57	26.01.10.1194	Âu Dương Bảo	Trân	Nữ	16/11/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
279	58	26.01.10.1195	Võ Minh	Trí	Nam	30/11/1996	Tỉnh Bình Thuận	
280	59	26.01.10.1197	Tạ Kế	Trung	Nam	14/09/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
281	60	26.01.10.1198	Ngô Lâm Hữu	Trung	Nam	19/04/1998	Tỉnh An Giang	
		CHUYÊN NGÀNH: NGOẠI TỔNG QUÁT				(4)		
282	1	26.01.12.0756	Trần Nhật	Duy	Nam	30/03/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
283	2	26.01.12.0767	Nguyễn Thanh	Hiền	Nam	29/04/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
284	3	26.01.12.0776	Phạm Thành	Kông	Nam	18/04/1995	Tỉnh Bình Định	
285	4	26.01.12.0781	Huỳnh Đạt	Phú	Nam	01/12/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
		CHUYÊN NGÀNH: NHÂN KHOA				(32)		
286	1	26.01.08.0797	Nguyễn Duy	Anh	Nam	11/01/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
287	2	26.01.08.0800	Đinh Gia Hoài	Bảo	Nam	24/08/1988	Thành phố Hồ Chí Minh	
288	3	26.01.08.0802	Trương Đình	Chung	Nam	24/01/1996	Tỉnh Thanh Hóa	
289	4	26.01.08.0808	Ngô Thị Anh	Đào	Nữ	10/12/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
290	5	26.01.08.0809	La Quốc	Đạt	Nam	21/01/2000	Tỉnh Vĩnh Long	
291	6	26.01.08.0810	Lê Hiền	Đức	Nam	11/06/2000	Tỉnh Gia Lai	
292	7	26.01.08.0812	Hoàng Thúy	Hải	Nữ	30/12/1998	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	
293	8	26.01.08.0814	Trịnh Thị Thu	Hằng	Nữ	14/08/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
294	9	26.01.08.0822	Bùi Quốc	Huy	Nam	24/01/1997	Tỉnh Khánh Hòa	
295	10	26.01.08.0825	Võ Ngọc	Khánh	Nam	15/08/1997	Tỉnh Cà Mau	
296	11	26.01.08.0826	Nguyễn Ngọc Đăng	Khoa	Nam	27/08/1997	Thành phố Cần Thơ	
297	12	26.01.08.0828	Đặng Thị Thu	Lan	Nữ	27/02/2000	Tỉnh Đắk Lắk	
298	13	26.01.08.0830	Trần Thị Ngọc	Loan	Nữ	17/07/1991	Bình Thuận	
299	14	26.01.08.0835	Châu Mỹ	Ngọc	Nữ	02/8/1997	Tỉnh Tiền Giang	
300	15	26.01.08.0837	Trần Thanh Như	Ngọc	Nữ	23/08/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
301	16	26.01.08.0838	Lê Thị Thảo	Nguyên	Nữ	20/10/1995	Tỉnh Quảng Ngãi	
302	17	26.01.08.0839	Trương Phước Thanh	Nguyên	Nữ	18/02/2000	Tỉnh Ninh Thuận	
303	18	26.01.08.0845	Dương Thị Hồng	Nhung	Nữ	23/12/2000	Thành phố Cần Thơ	
304	19	26.01.08.0846	Châu Huỳnh	Như	Nữ	14/09/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
305	20	26.01.08.0850	Kiến Thị Hồng	Phúc	Nữ	15/02/1996	Tỉnh Trà Vinh	
306	21	26.01.08.0851	Trần Hoàng	Phúc	Nam	15/02/1985	Thành phố Cần Thơ	
307	22	26.01.08.0853	Phan Minh	Tài	Nam	10/08/1996	Tỉnh An Giang	
308	23	26.01.08.0854	Lê Thị	Tâm	Nữ	10/01/1991	Tỉnh Thanh Hóa	
309	24	26.01.08.0860	Đặng Ngọc Anh	Thư	Nữ	23/07/2000	Tỉnh Tiền Giang	
310	25	26.01.08.0861	Kiến Gia	Thức	Nam	15/09/2000	Tỉnh Trà Vinh	
311	26	26.01.08.0862	Trần Thị Tường	Thy	Nữ	24/08/2000	Thành phố Cần Thơ	
312	27	26.01.08.0863	Bùi Thị Mỹ	Tiên	Nữ	15/01/2000	Tỉnh An Giang	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
313	28	26.01.08.0865	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	Nữ	19/01/1997	Tỉnh Đồng Nai	
314	29	26.01.08.0867	Phan Thị Mỹ	Trinh	Nữ	06/03/1999	Tỉnh Bình Định	
315	30	26.01.08.0875	Đoàn Thảo	Vy	Nữ	24/12/1997	Tỉnh An Giang	
316	31	26.01.08.0876	Cao Thanh	Xuân	Nữ	07/09/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
317	32	26.01.08.0877	Nguyễn Thị Kim	Yến	Nữ	15/06/2000	Tỉnh Đắk Lắk	
		CHUYÊN NGÀNH: NHI KHOA				(48)		
318	1	26.01.09.0878	Đinh Việt	Anh	Nam	12/10/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
319	2	26.01.09.0880	Nguyễn Thụy Lan	Anh	Nữ	21/09/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
320	3	26.01.09.0881	Nguyễn Thị Mai	Anh	Nữ	12/06/1997	Tỉnh Nam Định	
321	4	26.01.09.0883	Đoàn Phương	Bắc	Nam	20/11/1996	Tỉnh Gia Lai	
322	5	26.01.09.0886	Lê Ngọc	Dung	Nữ	25/04/1998	Long An	
323	6	26.01.09.0887	Cù Thị Kim	Dung	Nữ	20/02/1989	Tỉnh Lâm Đồng	
324	7	26.01.09.0888	Trần Quang	Duy	Nam	15/11/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
325	8	26.01.09.0890	Trần Thị Mỹ	Duyên	Nữ	12/06/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
326	9	26.01.09.0891	Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	28/02/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
327	10	26.01.09.0893	Nguyễn Hoàng Cẩm	Giang	Nữ	30/06/1995	Tỉnh Đồng Nai	
328	11	26.01.09.0895	Lê Thanh	Hà	Nam	18/05/1995	Nam Hà	
329	12	26.01.09.0896	Trần Doãn	Hào	Nam	18/10/2000	Tỉnh Đồng Nai	
330	13	26.01.09.0897	Nguyễn Trung	Hào	Nam	12/01/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
331	14	26.01.09.0899	Trần Ngọc	Hân	Nữ	20/08/1998	Thành phố Cần Thơ	
332	15	26.01.09.0900	Lê Văn	Hiếu	Nam	15/03/1998	Tỉnh Đắk Lắk	
333	16	26.01.09.0902	Nguyễn Thị Mỹ	Hiệp	Nữ	16/03/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
334	17	26.01.09.0903	Lê Văn	Hùng	Nam	21/03/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	
335	18	26.01.09.0907	Phạm Tĩnh Hồng	Kim	Nam	22/03/1992	Bà Rịa Vũng Tàu	
336	19	26.01.09.0908	Nguyễn Thị	Liệu	Nữ	25/02/1994	Kiên Giang	
337	20	26.01.09.0909	Nguyễn Thị Khánh	Linh	Nữ	26/08/1997	Bình Định	
338	21	26.01.09.0910	Trương Thị Mỹ	Linh	Nữ	26/03/1988	Tỉnh An Giang	
339	22	26.01.09.0911	Nguyễn Hoàng Lam	Linh	Nữ	25/08/1997	Tiền Giang	
340	23	26.01.09.0912	Lương Thị Kim	Long	Nữ	23/11/1995	Sông Bé	
341	24	26.01.09.0913	Nguyễn Đình	Long	Nam	05/02/1999	Khánh Hoà	
342	25	26.01.09.0917	Vũ Thị Thanh	Nga	Nữ	12/11/1994	Tỉnh Đắk Lắk	
343	26	26.01.09.0918	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	04/04/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
344	27	26.01.09.0920	Đào Thị Như	Ngọc	Nữ	06/03/1999	Tỉnh Đắk Lắk	
345	28	26.01.09.0922	Hà	Nhân	Nam	24/09/1994	Tỉnh Đắk Lắk	
346	29	26.01.09.0924	Nguyễn Anh	Như	Nữ	01/08/2000	Tỉnh Đắk Lắk	
347	30	26.01.09.0925	Lương Thị	Niệm	Nữ	13/06/1994	Tỉnh Đắk Lắk	
348	31	26.01.09.0928	Trịnh Quang	Phổ	Nam	21/03/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
349	32	26.01.09.0929	Võ Đức	Phú	Nam	19/09/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
350	33	26.01.09.0930	Võ Thị Mai	Phương	Nữ	23/12/1998	Tỉnh Đắk Lắk	
351	34	26.01.09.0933	Nguyễn Phước	Quỳnh	Nữ	25/05/1998	Tỉnh Bình Định	
352	35	26.01.09.0937	Phan Khắc	Tân	Nam	23/01/1987	Tỉnh Đồng Nai	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
353	36	26.01.09.0939	Nguyễn Phúc	Thịnh	Nam	11/08/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
354	37	26.01.09.0942	Phan Thanh	Thùy	Nữ	27/06/1996	tỉnh Sóc Trăng	
355	38	26.01.09.0943	Tăng Lâm Anh	Thư	Nữ	18/10/2000	Trà Vinh	
356	39	26.01.09.0944	Đặng Thị Hoài	Thương	Nữ	14/11/1991	Ninh Thuận	
357	40	26.01.09.0945	Đinh Tấn Quỳnh	Thy	Nữ	07/01/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
358	41	26.01.09.0946	Châu Nguyễn Thủy	Tiên	Nữ	24/05/1997	Tỉnh An Giang	
359	42	26.01.09.0947	Trần Minh	Tiến	Nam	12/10/1994	Tỉnh Bến Tre	
360	43	26.01.09.0949	Trần Thị Mỹ	Trang	Nữ	30/09/1997	Tỉnh Gia Lai	
361	44	26.01.09.0951	Hà Thị Diễm	Trinh	Nữ	07/07/1997	Tỉnh Đồng Nai	
362	45	26.01.09.0952	Lê Đoàn Phương	Trinh	Nữ	18/11/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
363	46	26.01.09.0953	Lê Thúy Kiều	Trinh	Nữ	06/12/1999	Tỉnh Quảng Trị	
364	47	26.01.09.0956	Phạm Lê Anh	Tuấn	Nam	06/05/1998	Tỉnh Đắk Lắk	
365	48	26.01.09.0958	Đặng Ngô Anh	Tú	Nữ	12/02/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
CHUYÊN NGÀNH: PHẪU THUẬT TẠO HÌNH - THẨM MỸ						(13)		
366	1	26.01.13.1221	Đinh Mạnh	Công	Nam	04/11/1999	Kon Tum	
367	2	26.01.13.1236	Lê Thanh	Hùng	Nam	28/10/1998	Tỉnh Khánh Hòa	
368	3	26.01.13.1240	Trần Gia	Linh	Nữ	12/09/1998	Tỉnh Đồng Tháp	
369	4	26.01.13.1244	Nguyễn Công	Lý	Nam	27/07/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
370	5	26.01.13.1245	Lê Thanh	Lý	Nữ	09/01/1997	Tỉnh Gia Lai	
371	6	26.01.13.1252	Huỳnh Thị Công	Nhận	Nữ	15/07/1994	Tỉnh Khánh Hòa	
372	7	26.01.13.1253	Trần Phương Uyên	Nhi	Nữ	09/01/1998	Tỉnh Gia Lai	
373	8	26.01.13.1265	Vũ Minh	Thắng	Nam	29/03/1996	Hà Nội	
374	9	26.01.13.1266	Võ Hoàng	Thắng	Nam	01/07/1995	Bình Định	
375	10	26.01.13.1269	Đặng Hoàng	Thịnh	Nam	10/01/2000	Long An	
376	11	26.01.13.1270	Lê Hoàng	Thơ	Nữ	04/06/1997	Long An	
377	12	26.01.13.1274	Nguyễn Trần Thuý	Trang	Nữ	24/11/1999	Tỉnh Lâm Đồng	
378	13	26.01.13.1282	Đỗ Đình Thảo	Vy	Nữ	07/01/1997	Tỉnh Đồng Nai	
CHUYÊN NGÀNH: RĂNG HÀM MẶT						(11)		
379	1	26.01.32.1283	Thái Kim	Châu	Nữ	27/10/1989	Tỉnh Đồng Tháp	
380	2	26.01.32.1284	Nguyễn Trần Nhật	Duy	Nam	20/09/2000	Tỉnh Lâm Đồng	
381	3	26.01.32.1288	Trần Anh Hường Thái	Huy	Nam	29/09/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
382	4	26.01.32.1289	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	Nữ	11/11/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
383	5	26.01.32.1291	Lê Thị Yến	Nhi	Nữ	21/02/1999	Tỉnh Quảng Trị	
384	6	26.01.32.1292	Nguyễn Vũ Nhật	Quang	Nam	16/12/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
385	7	26.01.32.1293	Nguyễn Thị Vân	Quyên	Nữ	20/09/1988	Thành phố Hồ Chí Minh	
386	8	26.01.32.1294	Trần Bá	Thành	Nam	23/03/1999	Tỉnh Đồng Nai	
387	9	26.01.32.1296	Lê Đức	Tiến	Nam	27/04/1996	Đắk Nông	
388	10	26.01.32.1297	Huỳnh Xuân	Trúc	Nữ	20/03/1995	Bình Định	
389	11	26.01.32.1298	Võ Diệu	Uyên	Nữ	10/12/1999	Tỉnh Lâm Đồng	
CHUYÊN NGÀNH: SẢN PHỤ KHOA						(53)		
390	1	26.01.15.1301	Đoàn Thuý	An	Nữ	26/03/2000	Nam Định	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
391	2	26.01.15.1303	Nguyễn Thị Mai Anh	Nữ	02/02/2000	Tỉnh Lâm Đồng	
392	3	26.01.15.1310	Nguyễn Minh Anh	Nữ	07/04/2000	Kiên Giang	
393	4	26.01.15.1311	Võ Thị Thúy Ái	Nữ	12/10/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
394	5	26.01.15.1323	Phạm Văn Dương	Nam	18/05/1997	Tỉnh An Giang	
395	6	26.01.15.1325	Nguyễn Thị Thuý Dương	Nữ	04/05/1997	Bình Dương	
396	7	26.01.15.1326	Lê Thị Xuân Đào	Nữ	15/05/1999	Tiền Giang	
397	8	26.01.15.1330	Trần Tiến Đạt	Nam	20/11/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
398	9	26.01.15.1338	Võ Thu Hà	Nữ	10/01/1999	Tỉnh Đắk Lắk	
399	10	26.01.15.1354	Trần Thị Khánh Huyền	Nữ	19/09/1999	Tỉnh Khánh Hòa	
400	11	26.01.15.1369	Ngô Thị Mỹ Linh	Nữ	28/11/1999	Tỉnh Đắk Lắk	
401	12	26.01.15.1372	Nguyễn Thị Thuý Linh	Nữ	13/12/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
402	13	26.01.15.1384	Phạm Minh Luân	Nam	20/04/1990	Long An	
403	14	26.01.15.1388	Lê Đặng Phương Mai	Nữ	31/03/2000	Tỉnh Cà Mau	
404	15	26.01.15.1391	Dương Khải Minh	Nam	25/06/2000	Tỉnh Tây Ninh	
405	16	26.01.15.1392	Trần Tuấn Minh	Nam	23/02/1997	Tỉnh Nghệ An	
406	17	26.01.15.1393	Nguyễn Thị Thu Ngân	Nữ	03/12/1999	Long An	
407	18	26.01.15.1398	Trần Kim Ngọc	Nữ	22/07/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
408	19	26.01.15.1399	Nguyễn Như Ngọc	Nữ	24/09/2000	Tỉnh Lâm Đồng	
409	20	26.01.15.1401	Bùi Lâm Mộng Ngọc	Nữ	23/12/1999	Bình Định	
410	21	26.01.15.1402	Nguyễn Hồng Nguyên	Nữ	29/08/1995	Bà Rịa - Vũng Tàu	
411	22	26.01.15.1416	Nguyễn Ngọc Huỳnh Như	Nữ	04/01/2000	Long An	
412	23	26.01.15.1417	Lê Thị Thanh Nữ	Nữ	11/11/1995	Bình Định	
413	24	26.01.15.1423	Lê Thị Nam Phương	Nữ	01/05/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
414	25	26.01.15.1424	Ngô Thu Phương	Nữ	30/12/1997	Bình Dương	
415	26	26.01.15.1426	Phạm Thị Hồng Phượng	Nữ	01/04/1999	Tỉnh Gia Lai	
416	27	26.01.15.1427	Lâm Thanh Quang	Nam	19/09/1994	Sóc Trăng	
417	28	26.01.15.1431	Nguyễn Ngọc Tú Quỳnh	Nữ	07/03/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
418	29	26.01.15.1435	Ngô Tuệ Tâm	Nam	24/03/2000	Bình Định	
419	30	26.01.15.1436	Trần Văn Tân	Nam	09/03/1996	Tỉnh Đắk Lắk	
420	31	26.01.15.1438	Châu Thanh Thảo	Nữ	02/05/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
421	32	26.01.15.1439	Lê Thành Thành	Nam	26/08/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
422	33	26.01.15.1441	Nguyễn Thanh Thảo	Nữ	14/02/1997	Tiền Giang	
423	34	26.01.15.1447	Phan Minh Thiện	Nam	16/11/1993	Sông Bé	
424	35	26.01.15.1459	Vũ Phạm Minh Thy	Nữ	25/05/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
425	36	26.01.15.1466	Ngô Thiện Toàn	Nam	11/10/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
426	37	26.01.15.1473	Lê Thị Thuý Trang	Nữ	31/07/1997	Bình Phước	
427	38	26.01.15.1474	Phạm Thị Thùy Trang	Nữ	04/03/1999	Kiên Giang	
428	39	26.01.15.1477	Phạm Thanh Trà	Nam	29/09/1994	Thành phố Cần Thơ	
429	40	26.01.15.1478	Phan Thuý Trâm	Nữ	04/09/1999	Bình Định	
430	41	26.01.15.1483	Trần Nguyễn Quế Trân	Nữ	02/10/1999	Phú Yên	
431	42	26.01.15.1484	Lê Thị Mộng Trâm	Nữ	18/01/1998	Phú Yên	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
432	43	26.01.15.1492	Hoàng Thanh	Tuấn	Nam	10/10/1996	Quảng Bình	
433	44	26.01.15.1493	Nguyễn Phước Thanh	Tuyền	Nữ	13/12/1997	Quảng Nam	
434	45	26.01.15.1495	Lê Thị Thanh	Tuyền	Nữ	12/12/1999	Tỉnh Vĩnh Long	
435	46	26.01.15.1498	Nguyễn Trịnh Tú	Uyên	Nữ	16/08/1997	Long An	
436	47	26.01.15.1501	Trần Nhật	Uyên	Nữ	28/02/1998	Trà Vinh	
437	48	26.01.15.1502	Phạm Trà Phương	Uyên	Nữ	04/02/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
438	49	26.01.15.1504	Trần Ái	Văn	Nữ	30/11/1999	Bình Định	
439	50	26.01.15.1507	Đỗ Lê	Vy	Nữ	02/09/1999	Bình Định	
440	51	26.01.15.1508	Trần Nguyễn Hiền	Vy	Nữ	12/09/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
441	52	26.01.15.1512	Lê Thị Thanh	Xuân	Nữ	24/02/1999	Tỉnh Đồng Nai	
442	53	26.01.15.1513	Trần Phạm Ái	Xuân	Nữ	25/05/1999	Tỉnh Vĩnh Long	
CHUYÊN NGÀNH: TAI MŨI HỌNG					(25)			
443	1	26.01.16.1517	Nguyễn Phan Hoàng	Anh	Nam	17/06/2000	Bình Phước	
444	2	26.01.16.1519	Võ Huỳnh Phúc	Bảo	Nam	08/12/1999	Tiền Giang	
445	3	26.01.16.1522	Nguyễn Phan Bảo	Châu	Nữ	15/09/2000	Bến Tre	
446	4	26.01.16.1524	Trần Huỳnh Thu	Dung	Nữ	26/07/1998	Ninh Thuận	
447	5	26.01.16.1525	Lê Bùi Tiến	Dũng	Nam	21/12/1999	Tỉnh Đồng Nai	
448	6	26.01.16.1526	Nguyễn Thiên	Dương	Nam	23/08/2000	Bạc Liêu	
449	7	26.01.16.1529	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	20/02/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
450	8	26.01.16.1530	Trần Thị Thu	Hà	Nữ	11/04/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
451	9	26.01.16.1534	Nguyễn Xuân	Hân	Nam	14/07/1998	Tỉnh Đồng Nai	
452	10	26.01.16.1535	Trần Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	24/02/1998	Nam Định	
453	11	26.01.16.1536	Lương Thị Hồng	Hạnh	Nữ	25/02/1996	Tỉnh Gia Lai	
454	12	26.01.16.1539	Phạm Hải	Hòa	Nam	25/02/1992	Sông Bé	
455	13	26.01.16.1541	Lê Thị	Hội	Nữ	10/04/1998	Tỉnh Đồng Nai	
456	14	26.01.16.1542	Nguyễn Đăng	Huy	Nam	14/03/1997	Tỉnh Lâm Đồng	
457	15	26.01.16.1552	Nguyễn Cao	Kỳ	Nam	08/12/1993	Tỉnh Khánh Hòa	
458	16	26.01.16.1555	Lê Ngọc Quế	Mai	Nữ	29/09/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
459	17	26.01.16.1556	Lý Thị Ngọc	Mai	Nữ	21/09/1974	Tỉnh Tây Ninh	
460	18	26.01.16.1564	Nguyễn Thị Hồng	Nhi	Nữ	05/04/2000	Tỉnh Gia Lai	
461	19	26.01.16.1574	Lê Huy Thu	Thảo	Nữ	29/06/2000	Bình Định	
462	20	26.01.16.1576	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	21/01/1996	Tỉnh Gia Lai	
463	21	26.01.16.1579	Lê Minh	Thuận	Nam	18/05/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
464	22	26.01.16.1581	Võ Lê Uyên	Thư	Nữ	30/06/1994	Sông Bé	
465	23	26.01.16.1587	Hồ Minh Bảo	Tường	Nữ	04/04/1997	Tỉnh Đồng Nai	
466	24	26.01.16.1590	Hoàng Xuân	Vinh	Nam	15/10/2000	Thành phố Hải Phòng	
467	25	26.01.16.1592	Lê Minh	Vương	Nam	05/03/1991	Tỉnh Lâm Đồng	
CHUYÊN NGÀNH: TÂM THẦN					(12)			
468	1	26.01.18.1600	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	25/04/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
469	2	26.01.18.1605	Nguyễn Thị Quỳnh	Giang	Nữ	01/08/1996	Tỉnh Quảng Ngãi	
470	3	26.01.18.1613	Vy Thị	Lệ	Nữ	12/01/1994	Tỉnh Đắk Lắk	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
471	4	26.01.18.1615	Bùi Khánh	Linh	Nữ	27/01/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
472	5	26.01.18.1616	Nguyễn Hạnh	Mạnh	Nam	23/01/1996	Tỉnh Gia Lai	
473	6	26.01.18.1620	Nguyễn Thiên	Ngân	Nữ	03/02/1999	Tỉnh Trà Vinh	
474	7	26.01.18.1623	Nguyễn Thanh	Nhàn	Nữ	11/01/1999	Tỉnh Tiền Giang	
475	8	26.01.18.1625	Nguyễn Thiên	Phúc	Nam	02/02/1997	Tỉnh Đồng Tháp	
476	9	26.01.18.1629	Dương Anh	Thy	Nữ	10/10/1994	Tỉnh Sông Bé	
477	10	26.01.18.1631	Đỗ Nhật Minh	Trúc	Nam	19/11/1994	Tỉnh Đồng Tháp	
478	11	26.01.18.1633	Nguyễn Hoàng Phương	Uyên	Nữ	28/11/1995	Tỉnh Tây Ninh	
479	12	26.01.18.1636	Cao Ngô Hoàng	Vũ	Nam	19/05/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
		CHUYÊN NGÀNH: TÔ CHỨC QUẢN LÝ DƯỢC				(12)		
480	1	26.01.40.1673	Nguyễn Thị Kim	Bằng	Nữ	30/11/1995	Tỉnh Tây Ninh	
481	2	26.01.40.1675	Nguyễn Tất	Đạt	Nam	16/06/1996	Tỉnh Đồng Nai	
482	3	26.01.40.1676	Lê Phan Gia	Hân	Nữ	05/11/2000	Tỉnh Khánh Hòa	
483	4	26.01.40.1677	Trần Thị Thu	Hiền	Nữ	29/10/1986	Tỉnh Tây Ninh	
484	5	26.01.40.1678	Vũ Thị Kim	Ngân	Nữ	06/06/1985	Tỉnh Ninh Bình	
485	6	26.01.40.1679	Nguyễn Nguyên Khánh	Ngọc	Nữ	10/06/1994	Tỉnh Đắk Lắk	
486	7	26.01.40.1680	Phan Thị Ngọc	Phương	Nữ	19/11/1987	Long An	
487	8	26.01.40.1682	Phạm Nguyễn Thanh	Thảo	Nữ	13/09/1983	Thành phố Hồ Chí Minh	
488	9	26.01.40.1684	Trần Thuận	Thi	Nam	16/01/1993	Tỉnh Đồng Nai	
489	10	26.01.40.1685	Nguyễn Trần Bảo	Thoa	Nữ	19/01/1995	Tỉnh Quảng Ngãi	
490	11	26.01.40.1686	Lê Ngọc Thanh	Thúy	Nữ	05/05/1988	Thành phố Hồ Chí Minh	
491	12	26.01.40.1688	Trần Khải	Tú	Nữ	30/07/1983	Thành phố Hồ Chí Minh	
		CHUYÊN NGÀNH: THẦN KINH				(28)		
492	1	26.01.17.1637	Nguyễn Thị Xuân	An	Nữ	14/12/1996	Tỉnh Kiên Giang	
493	2	26.01.17.1638	Hà Thị Duyên	Anh	Nữ	04/11/1998	Tỉnh Đắk Lắk	
494	3	26.01.17.1639	Đỗ Quỳnh	Anh	Nữ	21/02/1998	Tỉnh Lâm Đồng	
495	4	26.01.17.1640	Phạm Lê	Bửu	Nam	15/04/1997	Tỉnh Bến Tre	
496	5	26.01.17.1641	Nguyễn Trần Chí	Dũng	Nam	30/06/1999	Tỉnh Đắk Lắk	
497	6	26.01.17.1644	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	10/05/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
498	7	26.01.17.1645	Lê Nguyễn Gia	Hân	Nữ	04/10/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
499	8	26.01.17.1646	Nguyễn Hữu	Hậu	Nam	06/12/1999	Tỉnh An Giang	
500	9	26.01.17.1647	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	11/04/1984	Tỉnh Khánh Hòa	
501	10	26.01.17.1648	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	19/09/1996	Tỉnh Hưng Yên	
502	11	26.01.17.1649	Hoa Trương Mỹ	Kim	Nữ	29/04/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
503	12	26.01.17.1650	Huỳnh Gia	Lâm	Nam	14/10/1997	Tỉnh Long An	
504	13	26.01.17.1652	Bùi Lê Duy	Linh	Nam	08/08/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
505	14	26.01.17.1653	Nguyễn Đình	Năm	Nam	20/07/1990	Tỉnh Lâm Đồng	
506	15	26.01.17.1656	Nguyễn Thị Thảo	Như	Nữ	21/04/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
507	16	26.01.17.1657	Dương Thị	Oanh	Nữ	08/10/1999	Tỉnh Hưng Yên	
508	17	26.01.17.1658	La Tấn	Phát	Nam	10/09/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
509	18	26.01.17.1659	Bùi Duy	Phú	Nam	20/03/1983	Tỉnh Tiền Giang	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
510	19	26.01.17.1660	Nguyễn Thị Minh	Phương	Nữ	02/09/2000	Tỉnh Đắk Lắk	
511	20	26.01.17.1661	Đậu Thị Minh	Phượng	Nữ	03/05/1997	Tỉnh Lâm Đồng	
512	21	26.01.17.1662	Phạm Văn	Quyết	Nam	19/05/1987	Tỉnh Nam Định	
513	22	26.01.17.1663	Nguyễn Hùng	Sang	Nam	11/10/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
514	23	26.01.17.1665	Nguyễn Nữ Thu	Thảo	Nữ	01/06/2000	Tỉnh Đắk Lắk	
515	24	26.01.17.1666	Nguyễn Đình	Thi	Nam	23/04/1995	Tỉnh Đồng Nai	
516	25	26.01.17.1667	Nông Thị Kim	Thoa	Nữ	10/11/1995	Tỉnh Lâm Đồng	
517	26	26.01.17.1668	Nguyễn Văn	Thư	Nữ	29/03/2000	Tỉnh Quảng Ngãi	
518	27	26.01.17.1669	Nguyễn Thùy Bảo	Trâm	Nữ	26/01/1999	Tỉnh Bình Dương	
519	28	26.01.17.1671	Nguyễn Đoàn Diễm	Vy	Nữ	05/03/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
CHUYÊN NGÀNH: TRUYỀN NHIỄM						(13)		
520	1	26.01.19.1690	Nguyễn Trường Thái	Anh	Nam	25/05/1987	Thành phố Hồ Chí Minh	
521	2	26.01.19.1695	Nguyễn Thành	Huế	Nam	22/09/1998	Tỉnh Long An	
522	3	26.01.19.1697	Phạm Hoàng	Khánh	Nam	17/11/1986	Tỉnh Sông Bé	
523	4	26.01.19.1700	Triệu Thị	Liên	Nữ	23/02/1991	Tỉnh Đắk Lắk	
524	5	26.01.19.1702	Kim Diễm	Mi	Nữ	07/08/1995	Tỉnh Cà Mau	
525	6	26.01.19.1705	Lê Mỹ	Nhân	Nữ	20/11/1995	Tỉnh Sông Bé	
526	7	26.01.19.1706	Nguyễn Hoàng	Nhịn	Nam	02/01/2000	Tỉnh Tiền Giang	
527	8	26.01.19.1708	Đỗ Thị Minh	Phượng	Nữ	24/10/1993	Thái Bình	
528	9	26.01.19.1710	Lê Ngọc Phương	Thảo	Nữ	19/11/1996	Tỉnh Lâm Đồng	
529	10	26.01.19.1711	Trần Quang	Thịnh	Nam	02/07/1997	Tỉnh Kon Tum	
530	11	26.01.19.1714	Bùi Thị Kim	Trúc	Nữ	14/10/1988	Tỉnh Tây Ninh	
531	12	26.01.19.1715	Nguyễn Hoàng Ánh	Tuyết	Nữ	18/10/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
532	13	26.01.19.1718	Thái Nguyễn Lan	Vy	Nữ	13/07/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
CHUYÊN NGÀNH: UNG BƯỚU						(8)		
533	1	26.01.20.1722	Viên Bạch Lan	Châu	Nữ	20/08/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
534	2	26.01.20.1725	Nguyễn Hiếu	Hạnh	Nữ	10/04/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
535	3	26.01.20.1729	Nguyễn Thành	Hưng	Nam	14/04/1997	Tỉnh Bình Định	
536	4	26.01.20.1731	Trần Hồng	Lĩnh	Nam	13/12/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
537	5	26.01.20.1732	Trần Chí Nhật	Nam	Nam	25/01/1998	Tỉnh Vĩnh Long	
538	6	26.01.20.1735	Trần Tấn	Phước	Nam	10/11/1999	Tỉnh Bình Định	
539	7	26.01.20.1737	Huỳnh Trường	Thịnh	Nam	17/01/2000	Tỉnh Tiền Giang	
540	8	26.01.20.1739	Trần Trịnh Mẫn	Uyên	Nữ	03/07/1999	Tỉnh Quảng Nam	
CHUYÊN NGÀNH: XÉT NGHIỆM Y HỌC						(10)		
541	1	26.01.21.1740	Nguyễn Vân	Ái	Nữ	03/02/1995	Tỉnh Sông Bé	
542	2	26.01.21.1741	Giang Thị	Dung	Nữ	11/10/1987	Tỉnh Bình Thuận	
543	3	26.01.21.1743	Lê Thị Xuân	Mai	Nữ	10/09/1993	Tỉnh Long An	
544	4	26.01.21.1744	Phan Thị Thảo	Nguyên	Nữ	14/11/1991	Tỉnh Thuận Hải	
545	5	26.01.21.1745	Lê Thị Kim	Nhung	Nữ	11/07/1987	Tỉnh Tây Ninh	
546	6	26.01.21.1746	Lại Thị Kim	Oanh	Nữ	04/03/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
547	7	26.01.21.1747	Mai Thanh	Phong	Nam	17/07/1993	Tỉnh Bến Tre	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
548	8	26.01.21.1748	Lê Duy	Phước	Nam	21/09/1996	Tỉnh Tây Ninh	
549	9	26.01.21.1749	Võ Thị Minh	Thiệt	Nữ	04/02/1992	Tỉnh Tây Ninh	
550	10	26.01.21.1750	Hoàng Thị Hoàng	Uyên	Nữ	02/01/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
CHUYÊN NGÀNH: Y HỌC GIA ĐÌNH						(22)		
551	1	26.01.22.1752	Đồng Lê Bảo	Châu	Nữ	07/05/1990	Tiền Giang	
552	2	26.01.22.1754	Trần Đức	Dũng	Nam	20/03/1994	Hà Bắc	
553	3	26.01.22.1756	Trần	Đức	Nam	19/10/1998	Tỉnh Vĩnh Long	
554	4	26.01.22.1758	Nguy Như Ngọc	Hậu	Nữ	25/10/1995	Ninh Thuận	
555	5	26.01.22.1760	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	Nữ	09/04/1993	Tỉnh Khánh Hòa	
556	6	26.01.22.1763	Trần Văn	Hoạt	Nam	20/07/1989	Đồng Nai	
557	7	26.01.22.1767	Huỳnh Thúc	Lam	Nữ	16/01/1997	Tỉnh Đồng Tháp	
558	8	26.01.22.1769	Trần Thị Phương	Linh	Nữ	05/01/1996	Bình Định	
559	9	26.01.22.1770	Lê Huỳnh Khánh	Linh	Nữ	14/08/1996	Bình Thuận	
560	10	26.01.22.1771	Ngô Mạnh	Luân	Nam	02/02/1999	Long An	
561	11	26.01.22.1772	Danh Nghĩa Thiện	Môn	Nữ	06/12/1995	Ninh Thuận	
562	12	26.01.22.1775	Hà Thúc Nhật	Nguyên	Nam	31/03/1992	Tỉnh Gia Lai	
563	13	26.01.22.1776	Mai Hồng	Nhung	Nữ	21/03/1991	Tỉnh Đồng Nai	
564	14	26.01.22.1779	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	19/11/1995	Thái Bình	
565	15	26.01.22.1781	Nguyễn Thị	Thương	Nữ	24/10/1995	Tỉnh Hà Tĩnh	
566	16	26.01.22.1782	Nguyễn Thị	Tiên	Nữ	22/12/1996	Tỉnh Quảng Ngãi	
567	17	26.01.22.1783	Đào Hứa Trọng	Tín	Nam	06/12/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
568	18	26.01.22.1784	Nguyễn Hữu	Tín	Nam	19/06/1997	Phú Yên	
569	19	26.01.22.1785	Tô Hoàng Bảo	Trân	Nữ	17/12/1993	Bạc Liêu	
570	20	26.01.22.1786	Lê Minh	Trí	Nam	10/05/1995	Tỉnh Đồng Tháp	
571	21	26.01.22.1787	Đàng Thị Y	Tuyển	Nữ	20/06/1994	Ninh Thuận	
572	22	26.01.22.1788	Trần Khả	Tú	Nữ	18/03/1996	Khánh Hoà	

Danh sách có 572 học viên.

7/10

